

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 232/2017/HS-ST

Ngày 01/8/2017

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ÁN CÓ KHÁNG CÁO**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
 - Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Nhật Tân
 - Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Văn Tiu và Bà Nguyễn Thị Nha
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Dũng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Trương Tuấn Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27, 31 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 208/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2017/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Quốc Đạt (Nguyễn Trung Kiên)**, sinh 1976; ĐKNKTT: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh (Giám đốc Công ty TNHH Hồng Trang, Sóc Sơn, Hà Nội); văn hóa: 12/12; họ tên bố: Nguyễn Văn Cứ; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Ngát; họ tên vợ Nguyễn Thị Hồng Nhung, có 3 con; tiền án, tiền sự: Không, bị bắt ngày 05/7/2013.

2. **Nguyễn Thị Hồng Nhung**, sinh 1977; ĐKNKTT: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh (Giám đốc Công ty TNHH Lương Thổ, Kế toán Trưởng Công ty TNHH Hồng Trang, Sóc Sơn, Hà Nội); văn hóa: 12/12; họ tên bố: Nguyễn Văn Thiết; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Tứ; họ tên chồng: Nguyễn Quốc Đạt, có 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 06/9/2012. Thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 13/10/2016.

3. **Dương Bá Hòa**, sinh 1961; ĐKNKTT: Số 2, tổ 1, Phùng Khoang, phường Trung Văn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh (Nguyên Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội); văn hóa: 10/10; họ tên bố: Dương Bá Thiêng; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Toàn; họ tên vợ: Trần Thị Bích Hiền; có 2 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. **Nguyễn Việt**, sinh 1974; nơi ĐKNKTT: 7, ngõ 307, Phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh (Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp của Chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội); văn hóa: 10/10; họ tên bố: Nguyễn Thư; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Vân; họ tên vợ: Nguyễn Thị Hào, có 2 con. tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **Trần Văn Song**, sinh 1959; nơi ĐKNKTT: Tổ 11, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: Thủy lợi 2, Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh (Tổ trưởng tổ giao nhận hàng của Chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội); văn hóa: 10/10; họ tên bố: Trần Văn Sạn; họ tên: Trần Thị Chuân; họ tên vợ: Ngô Thị Mạc, có 2 con. tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nguyên đơn dân sự:

1. **Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam** (Viết tắt Vietcombank).

+ Trụ sở: Số 31 - 33 phố Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

+ Người đại diện theo uỷ quyền:

* Ông **Nguyễn Hùng Sơn** – Phó giám đốc

* Ông **Phạm Duy Hùng** – Phó trưởng phụ trách phòng khách hàng doanh nghiệp 1

* Bà **Nguyễn Thị Tuyết Hoa** – Phó trưởng phụ trách phòng khách hàng doanh nghiệp 1

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch.

2. Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

+ Trụ sở: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng Sơn – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Viết tắt BIDV).

+ Trụ sở: Số 35 phố Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Đình Phong** – Phó giám đốc ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung:

+ Luật sư **Chu Thị Trang Vân** – Văn phòng luật sư Investlikco và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

+ Luật sư **Chu Đông** – Văn phòng luật sư Chu Đông - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

+ Luật sư **Phạm Đắc Hải** – Văn Phòng luật sư Phồn Thịnh - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Song: Luật sư **Ngô Thị Thanh Thủy** – Văn phòng luật sư Ngô Ngọc Thủy – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng BIDV: Luật sư Nguyễn Huy Thiệp – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên: Luật sư Hoàng Mậu Thành – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung:

- Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung có quan hệ là vợ chồng. Nguyễn Quốc Đạt là giám đốc Công ty TNHH Hồng Trang (Viết tắt là Công ty Hồng Trang), Nguyễn Thị Hồng Nhung là giám đốc Công ty TNHH Lương Thổ (Viết tắt là Công ty Lương Thổ). Ngoài ra Nhung còn làm kế toán trưởng cho Công ty Hồng Trang.

- Trong quá trình hoạt động kinh doanh Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung có các hành vi sau đây:

I. Để mua thép các loại nhãn hiệu Tisco theo Hợp đồng số 36/GT-HT ngày 18/4/2011 với Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Viết tắt là Công ty Gang thép Thái Nguyên), Nguyễn Quốc Đạt - Giám đốc Công ty Hồng Trang, Nguyễn Hồng Nhung làm kế toán trưởng đã vay vốn và đề nghị cấp bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng Vietcombank, Cụ thể:

- Ngày 19/4/2011, Nguyễn Quốc Đạt đã ký Đơn yêu cầu phát hành bảo lãnh kiêm hợp đồng cấp bảo lãnh 70.000.000.000đ gửi Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Số 927/2011/BL/Đ&HĐ) để thanh toán theo Hợp đồng số 36/GT-HT ngày 18/4/2011 mua bán thép Tisco.

- Ngày 19/4/2011, Sở giao dịch - Ngân hàng Vietcombank đã gửi Thư bảo lãnh thanh toán số: 001300361100927 cho Công ty CP gang thép Thái Nguyên, với nội dung bảo lãnh thanh toán một khoản tiền tối đa là 70.000.000.000đ có hiệu lực từ ngày **19/4/2011 đến ngày 19/10/2011 (06 tháng)**”.

- Ngày 02/8/2011 và ngày 03/8/2011, Ngân hàng Vietcombank Việt Nam đã ký hợp đồng tín dụng cho Công ty TNHH Hồng Trang do Nguyễn Quốc Đạt là Giám đốc vay **30 tỷ đồng** để thanh toán tiền mua thép các loại cho Công ty Gang thép Thái Nguyên.

- Như vậy, Công ty TNHH Hồng Trang vay **30 tỷ đồng** và **được bảo lãnh thanh toán 70 tỷ đồng** tại Vietcombank để mua thép Tisco theo hợp đồng đã ký với Công ty Gang thép Thái Nguyên.

- Giá trị tài sản đảm bảo của Công ty Hồng Trang tại Sở giao dịch Vietcombank gồm 04 quyền sử dụng đất do Sở giao dịch - Ngân hàng Vietcombank định giá là **13,2 tỷ đồng**.

- Từ ngày 03/08/2011 đến ngày 10/08/2011 Nguyễn Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hồng Nhung đã nhận đủ số lượng thép có trị giá là 69,762 tỷ đồng (Làm tròn số) của Công ty Gang thép Thái Nguyên nhưng không thanh toán trả tiền cho Công ty Gang thép Thái Nguyên.

- Ngày 26/8/2011, Công ty Gang thép Thái Nguyên có Công văn số: 887/GT TN-KT đề nghị Ngân hàng Vietcombank thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo lãnh cho Công ty Hồng Trang số tiền là 69,762 tỷ đồng (Làm tròn số).

- Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, ngày 20/4/2012 Sở giao dịch Vietcombank đã trả cho Công ty Gang thép Thái Nguyên **69.761.872.538 đồng**. Theo đó, Nguyễn Quốc Đạt giám đốc Công ty Hồng Trang còn nợ, phải trả cho Sở giao dịch - Vietcombank số tiền là: (30.000.000.000đ + 69.761.872.538đ) = **99.761.872.538đ**.

- Nguyễn Quốc Đạt không thực hiện trả tiền mua thép cho Công ty Gang thép Thái Nguyên và không thực hiện trả nợ cho ngân hàng với lý do tiền bán thép đã dùng kinh doanh và trả nợ ngoài xã hội.

- Nguyễn Hồng Nhung với vai trò là kế toán trưởng đã cùng Nguyễn Quốc Đạt thực hiện các giao dịch mua bán, giao dịch với ngân hàng, rút, chuyển tiền.

- Từ hành vi không trả tiền mua bán và tiền vay nên cơ quan điều tra truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung về hành vi phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Ngân hàng Vietcombank yêu cầu Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung phải trả nợ và lãi phát sinh. Cụ thể nợ gốc là **99.761.872.538đ** lãi tính đến ngày 25/7/2017 là **109.901.238.839 đồng**. Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm và được phát mại nhà máy gạch của Công ty Hồng Trang để thu hồi nợ.

- Công ty Gang thép Thái Nguyên yêu cầu Ngân hàng Vietcombank phải trả tiền lãi chậm trả là **7.231.231.947 đồng**.

II. Ngoài giao dịch liên quan đến Ngân hàng Vietcombank, Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung còn có liên quan đến bảo lãnh và vay tiền tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Tây Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Đối với Nguyễn Thị Hồng Nhung:

- Ngày 04/01/2011, Nguyễn Thị Hồng Nhung – Giám đốc Công ty Lương Thổ (Bên mua) đã ký Hợp đồng mua bán thép số: 02/HĐBM-2011 với chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội (Viết tắt là Chi nhánh Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội) (Bên bán), theo phương thức trả tiền chậm có bảo lãnh của Ngân hàng.

- Ngày 06/01/2011, Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội phát hành Thư bảo lãnh số: 42736000002068 gửi Chi nhánh gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội (Hoàng Quốc Hùng là Giám đốc BIDV Tây Hà Nội ký), với nội dung bảo lãnh thanh toán cho Công ty Lương Thổ, hạn mức là 75 tỷ đồng.

- Tài sản bảo đảm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn Sóc Sơn, Hà Nội với diện tích khoảng 600m² được Ngân hàng định giá là 17.385.000.000đ và 1 sổ tiết kiệm trị giá 17.000.000.000đ, tổng **34.385.000.000đ**. (Ngân hàng đã tự khấu trừ 17.000.000.000 đ trong sổ tiết kiệm để trả cho Chi nhánh Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội, còn tài sản bảo đảm là diện tích đất 600m² tại Sóc Sơn trị giá **17.385.000.000đ**).

- Đến nay Nguyễn Thị Hồng Nhung vẫn chưa thanh toán tiền mua thép là **51.337.050.857 đ**. Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội cũng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thư bảo lãnh cho Chi nhánh gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội

- Vì Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Chi nhánh gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Hồng Nhung.

- Công ty Gang thép Thái Nguyên yêu cầu Ngân hàng BIDV phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả số tiền **51.337.050.857 đ** và lãi tính đến ngày 30/6/2017 là **38.467.782.665 đồng**.

- Ngân hàng BIDV chấp nhận thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả cho Công ty Gang thép Thái Nguyên 51.337.050.857 đ, không chấp nhận trả lãi.

- Ngân hàng BIDV yêu cầu Nguyễn Thị Hồng Nhung phải trả cho Ngân hàng **51.337.050.857 đồng** sau khi Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Gang thép Thái Nguyên và được phát mại tài sản bảo đảm.

2. Đối với Nguyễn Quốc Đạt:

- Ngày 22/4/2011, Chi nhánh BIDV Tây Hà Nội và Nguyễn Quốc Đạt - giám đốc Công ty Hồng Trang đã ký Hợp đồng cấp bảo lãnh.

- Từ tháng 4 đến tháng 7/2011, Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội phát hành 4 Thư bảo lãnh thanh toán cho Công ty Hồng Trang với số tiền là **50 tỷ đồng**, gửi cho Công ty CP gang thép Thái Nguyên để thực hiện Hợp đồng mua bán thép Tisco số: 36/GT-HT ngày 18/4/2011 giữa Công ty Gang thép Thái Nguyên với Công ty Hồng Trang.

- Ngày 21/6/2011, chi nhánh BIDV Tây Hà Nội và Công ty TNHH Hồng Trang ký Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức và Hợp đồng hạn mức tín dụng. Theo đó giới hạn tín dụng ngắn hạn đối với Công ty Hồng Trang là **65 tỷ đồng, thời hạn 22/6/2011 đến 22/6/2012**.

- Như vậy, từ ngày 16/5/2011 đến ngày 11/7/2011, Nguyễn Quốc Đạt giám đốc Công ty Hồng Trang, đã rút **65 tỷ đồng** tại Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội để thanh toán tiền mua thép theo Hợp đồng đã ký với Công ty Gang thép Thái Nguyên.

- Tổng tài sản đảm bảo cho khoản vay 65 tỷ và bảo lãnh thanh toán 50 tỷ đồng của Công ty TNHH Hồng Trang khoảng **62,5 tỷ đồng**. (Đến nay Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội chưa xử lý tài sản bảo đảm nêu trên).

- Tháng 8/2011, Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội đã giải chấp số tiền gửi của Nguyễn Quốc Đạt trừ nợ vốn vay 3.760.550.000đ (cả lãi). Như vậy dư nợ vay của Công ty TNHH Hồng Trang đối với Ngân hàng còn là: **61.239.450.000đ** (65.000.000.000đ - 3.760.550.000đ).

- Vì Ngân hàng chưa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh 50 tỷ đồng và giá trị của tài sản bảo đảm cho các khoản vay là 62,5 tỷ đồng vẫn chưa xử lý nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quốc Đạt.

- Công ty Gang thép Thái Nguyên yêu cầu Ngân hàng BIDV phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả 50 tỷ đồng và lãi tính đến ngày 30/6/2017 là 31.674.782.665 đồng.

- Ngân hàng BIDV đồng ý thực hiện trách nhiệm bảo lãnh đối với Công ty thép Thái Nguyên, không đồng ý trả lãi. Sau khi Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, yêu cầu được xử lý nợ đối với Nguyễn Quốc Đạt, yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm và Nhà máy gạch của Công ty Hồng Trang để xử lý nợ.

A. Hành vi của các bị cáo tại Chi nhánh Công ty Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội:

- **Trần Văn Song** là tổ trưởng, **Nguyễn Việt** là Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp **Dương Bá Hòa** là Giám đốc của Chi nhánh Công ty Gang thép Thái Nguyên Tại Hà Nội. Trong quá trình mua bán thép với Công ty Lương Thổ và Công ty Hồng Trang các bị cáo có các hành vi như sau:

- Do chi nhánh tại Hà Nội cách xa Công ty CP Gang thép Thái Nguyên nên việc xin cấp hàng của Chi nhánh với Công ty được giao cho Trần Văn Song thực hiện với phương thức: Tài liệu xin cấp hàng do Chi nhánh fax lên cho Trần Văn Song để Trần Văn Song trình Công ty duyệt.

- Ngày 13/4/2011, Trần Văn Song đã làm giả đơn xin cấp hàng gồm: Phiếu xin cấp hàng, giấy báo có của ngân hàng và xác nhận đối chiếu hàng hóa để xin Công ty duyệt cấp hàng bán cho Công ty Hồng Trang theo ủy nhiệm chi 35 tỷ đồng bằng cách ghép phân ký duyệt của chi nhánh Hà Nội trên bản fax cũ rồi photo lại làm giả tài liệu trên máy vi tính. Căn cứ vào đơn xin cấp hàng giả này, Công ty đã duyệt cấp hàng cho Chi nhánh Hà Nội số lượng hàng 2.200 tấn thép các loại.

- Cơ quan điều tra còn làm rõ từ tháng 02 đến tháng 4/2011 có 10 đơn xin cấp hàng giả khác (Với phương thức làm giả từ các bản fax cũ của chi nhánh như trên) cho Chi nhánh Hà Nội để bán cho Công ty Hồng Trang và Lương Thổ. Tuy nhiên sau khi nhận hàng, Công ty TNHH Hồng Trang và Lương Thổ đã chuyển trả dần tiền cho chi nhánh theo lượng hàng đã lấy trước đó nên việc làm giả không bị phát hiện.

- Với phương thức xin cấp và giao nhận hàng nêu trên dẫn đến không kiểm soát, cân đối được số lượng tiền và hàng nên Chi nhánh Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội đã bán số hàng vượt quá hạn mức bảo lãnh của Ngân hàng cho Công ty TNHH Lương Thổ là 21.178.281.328 đ, đến nay chưa thu hồi được.

- Công ty Gang thép Thái Nguyên yêu cầu Nguyễn Thị Hồng Nhung phải hoàn trả lại số tiền này.

* Bản cáo trạng số 168/CT/VKS-P5 ngày 01/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 140 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn Song về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 điều 165 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Dương Bá Hòa và Nguyễn Việt về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 điều 285 Bộ luật hình sự.

* **Các ý kiến tại phiên tòa:**

- Bị cáo Nguyễn Quốc Đạt thừa nhận các khoản vay và bảo lãnh của các Ngân hàng. Bị cáo không có ý thức chiếm đoạt, khi bị cáo đang tìm phương án trả nợ thì bị Ngân hàng BIDV giữ toàn bộ hồ sơ nhà máy gạch Hồng Trang và bị khởi tố, bắt giam nên không có điều kiện trả nợ. Bị cáo không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo chấp nhận trả các khoản nợ **99.761.872.538 đồng** của Ngân hàng Vietcombank, **111.239.450.000 đồng** của Ngân hàng BIDV và đồng ý để các Ngân hàng phát mại các tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng và bảo lãnh để xử lý nợ. Bị cáo yêu cầu Ngân hàng BIDV trả lại hồ sơ Nhà máy gạch Hồng Trang cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung thừa nhận các khoản nợ với Ngân hàng BIDV. Bị cáo không đồng phạm với Nguyễn Quốc Đạt. Các chữ ký của bị cáo với vai trò kế toán trưởng, trong các giấy tờ giao dịch là thủ tục do ngân hàng quy định. Bị cáo chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng BIDV số tiền **51.337.050.857 đồng**, sau khi Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Gang thép Thái Nguyên và đồng ý để Ngân hàng BIDV phát mại tài sản bảo đảm cho Hợp đồng bảo lãnh để xử lý nợ.

- Bị cáo Trần Văn Song nhận có hành vi làm giả các đơn xin cấp hàng là theo chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Việt và của Dương Bá Hòa. Việc thất thoát hàng ở khâu bán hàng, bị cáo chỉ thực hiện nhận hàng về cho Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

- Bị cáo Dương Bá Hòa và Nguyễn Việt không thừa nhận đã chỉ đạo bị cáo Song làm giả đơn hàng nhưng thừa nhận có thiếu trách nhiệm trong quản lý bán hàng gây thất thoát tiền cho Công ty.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Bị cáo Nguyễn Quốc Đạt có hành vi gian dối nhằm trốn tránh việc trả tiền theo hợp đồng, xác định bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 điều 140 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 20 năm tù.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung đã phạm tội với vai trò đồng phạm với bị cáo Đạt, đề nghị xử phạt 10 đến 12 năm tù.

+ Bị cáo Trần Văn Song phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, đề nghị áp dụng khoản 3 điều 165; điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt 6 đến 8 năm tù.

+ Bị cáo Dương Bá Hòa và Nguyễn Việt phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Đề nghị áp dụng khoản 2 điều 285; điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt mỗi bị cáo 03 đến 04 năm tù.

+ Về dân sự: Buộc Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ của Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng BIDV. Buộc Ngân hàng BIDV phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Công ty Gang thép Thái Nguyên. Đề nghị tiếp tục duy trì kê biên nhà máy gạch.

- Tổng hợp ý kiến của các luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung:

+ Vụ án bị hình sự hóa dân sự, có nhiều vi phạm tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Các bị cáo Đạt và Nhung không có dấu hiệu hành vi chiếm đoạt và không có mục đích chiếm đoạt.

+ Các khoản vay, bảo lãnh đều có tài sản bảo đảm.

+ Đề nghị xác định đúng bản chất sự việc trong vụ án. Đề nghị tuyên các bị cáo Nhung và Đạt không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 140 Bộ luật hình sự.

+ Trả tự do ngay cho bị cáo Đạt.

+ Các vấn đề cề trách nhiệm dân sự của bị cáo Nhung và Đạt cần được giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự.

- Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn Song:

+ Bị cáo Song không phải là tổ trưởng bán hàng. Việc bị cáo làm giả đơn xin cấp hàng là theo chỉ đạo của bị cáo Dương Bá Hòa và Nguyễn Việt.

+ Bị cáo Song không phải là người có chức vụ, có quyền hạn trong việc làm hồ sơ xin cấp hàng, bán hàng và thu tiền hàng. Bị cáo không có mục đích vụ lợi.

+ Đề nghị tuyên bị cáo Song không phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

I. Về tội phạm:

1. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đạt: Căn cứ các tài liệu về hoạt động kinh doanh và lời khai của bị cáo Đạt, xác định bị cáo Đạt giao dịch mua thép và thanh toán qua ngân hàng với doanh số rất lớn. Thông qua Hợp đồng số 36/GT-HT ngày 18/4/2011 mua bán thép với Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên, bị cáo đã nhận số lượng hàng trị giá đặc biệt lớn. Việc thanh toán số hàng này qua Ngân hàng Vietcombank dưới 2 phương thức: Ngân hàng cho vay theo Hợp

đồng tín dụng từng lần số: 110405-TL/KH.NHNT, ngày 02/8/2011, số: 110409-TL/KH.NHNT, ngày 03/8/2011 và đã thanh toán trực tiếp 30 tỷ đồng qua ủy nhiệm chi cho Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên; Ngân hàng cấp bảo lãnh thanh toán 70 tỷ đồng theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số: 927/2011 ngày 19/4/2011 và đã thực hiện thanh toán cho Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên 69,762 tỷ đồng do bị cáo không thanh toán tiền hàng cho Công ty. Như vậy bị cáo Đạt đã chiếm giữ của Ngân hàng Vietcombank số tiền trị giá 99,762 tỷ đồng. Khi có yêu cầu trả tiền, bị cáo nói lý do kinh doanh thua lỗ và trả tiền vay ngoài xã hội. Theo Ngân hàng Vietcombank, bị cáo có sử dụng tiền đã chiếm giữ để sử dụng chi trả cho các nhà thầu cho việc đầu tư vào nhà máy gạch của Công ty hồng Trang. Hơn nữa các khoản vay của bị cáo đều có tài sản bảo đảm. Như vậy lý do trả tiền ngoài xã hội của bị cáo không phải là thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu sử dụng trái phép tài sản, vì theo thỏa thuận tại các hợp đồng mua bán và hợp đồng với Ngân hàng, tiền bán hàng phải được trả cho bên bán hoặc cho bên cấp tín dụng, bảo lãnh nhưng bị cáo đã sử dụng với mục đích khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức. Có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Quốc Đạt đã phạm tội “Sử dụng trái phép tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 3 điều 142 Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung: Bị cáo với chức năng là kế toán trưởng Công ty Hồng Trang nên biết và đã tham gia cùng bị cáo Đạt trong các giao dịch mua bán, rút và chuyển tiền. Bị cáo đã giúp sức cho bị cáo Đạt do vậy xác định bị cáo Nhung đồng phạm với bị cáo Đạt.

+ Đối với bị cáo Trần Văn Song: Bị cáo có quyền hạn trong việc trình duyệt cấp hàng cho Chi nhánh Công ty Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội đã có hành vi làm giả các đơn xin cấp hàng, trái với quy chế của Công ty. Hành vi của bị cáo đã làm sai lệch số liệu về bán hàng dẫn đến bán hàng vượt mức bảo lãnh gây thiệt hại thất thoát chưa thu hồi được số hàng trị giá rất lớn của Công ty. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Có đủ cơ sở xác định bị cáo đã phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 điều 165 Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo Dương Bá Hòa: Bị cáo với vai trò người có chức vụ và quyền hạn trong điều hành hoạt động của Chi nhánh Công ty Gang thép Thái Nguyên đã thiếu trách nhiệm trong điều hành quản lý, vi phạm quy trình bán hàng dẫn đến thất thoát tài sản của Công ty đến nay chưa thu hồi được. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của tổ chức gây thiệt hại cho lợi ích của tổ chức. Có đủ cơ sở xác định bị cáo đã phạm

tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 điều 285 Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Việt: Bị cáo có chức vụ là Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp của Chi nhánh Công ty thép Thái Nguyên tại Hà Nội đã thiếu trách nhiệm trong giám sát việc xin cấp hàng, thuộc chức năng của đơn vị dẫn đến thất thoát tài sản của Công ty đến nay chưa thu hồi được. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của tổ chức gây thiệt hại cho lợi ích của tổ chức. Bị cáo cũng phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 điều 285 Bộ luật hình sự.

II. Các tình tiết trách nhiệm hình sự và hình phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Quốc Đạt thực hiện tội phạm với vai trò chính. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, nhân thân không có tiền án tiền sự, chấp nhận hoàn trả tài sản. Bị cáo, không có tình tiết tăng nặng. Từ tính chất vai trò và các tình tiết trách nhiệm hình sự với bị cáo phải áp dụng hình phạt tù.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Quốc Đạt. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, nhân thân không có tiền án tiền sự, bố mẹ đẻ có công được tặng thưởng Huân chương. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Từ tính chất vai trò và các tình tiết trách nhiệm hình sự với bị cáo phải áp dụng hình phạt tù nhưng thấp hơn so với bị cáo Đạt.

+ Bị cáo Trần Văn Song khai thực hiện hành vi phạm tội do có sự chỉ đạo của bị cáo Dương Bá Hòa và Nguyễn Việt nhưng các bị cáo này phủ nhận và không có chứng cứ khác nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chính về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, nhân thân không có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Từ mức độ phạm tội và các tình tiết trách nhiệm hình sự với bị cáo phải áp dụng hình phạt tù nhưng xét bị cáo không hưởng lợi nên áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà khung hình phạt quy định.

+ Bị cáo Dương Bá Hòa phạm tội với vai trò là người đứng đầu tổ chức có chức năng quản lý chung. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng điều tra tội phạm; gia đình có bố đẻ là thương binh được tặng thưởng Huân chương. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Từ mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với bị cáo phải áp dụng hình phạt tù nhưng có thể cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Bị cáo Nguyễn Việt phạm tội với vai trò là người có trách nhiệm quản lý trực tiếp trong việc điều tiết hàng hóa của Chi nhánh Công ty. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân không có tiền án tiền sự. Từ mức độ phạm tội và các tình tiết trách nhiệm hình sự với bị cáo phải áp dụng hình phạt tù nhưng có thể cho hưởng án treo.

III. Về dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Quốc Đạt phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Vietcombank số tiền 99,762 tỷ đồng (Đã làm tròn) đã chiếm dụng. Ghi nhận sự đồng ý của bị cáo Nguyễn Quốc Đạt để Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm liên quan đến các hợp đồng tín dụng mà bị cáo đã ký kết với Ngân hàng để khấu trừ vào số tiền phải trả.

- Ngân hàng BIDV đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền bảo lãnh **51.337.050.857 đồng (Làm tròn 51.337.050.000 đồng)** cho Công ty Lương Thổ do Nguyễn Thị Hồng Nhung làm giám đốc và số tiền **50.000.000.000 đồng** cho Công ty Hồng Trang do Nguyễn Quốc Đạt làm giám đốc nên ghi nhận.

- Đối với các khoản nợ vay, cấp bảo lãnh và nghĩa vụ phát sinh của Công ty Hồng Trang do Nguyễn Quốc Đạt làm giám đốc và của Công ty TNHH Lương Thổ do Nguyễn Thị Hồng Nhung làm giám đốc với Ngân hàng BIDV, Ngân hàng có thể khởi kiện theo trình tự tố tụng dân sự. Nhưng tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc Đạt và Nguyễn Thị Hồng Nhung chấp nhận nghĩa vụ trả các khoản nợ này và đồng ý phát mại các tài sản bảo đảm cho các khoản vay, cấp bảo lãnh mà các bị cáo đã ký kết với Ngân hàng nên ghi nhận.

- Đối với số tiền 21.178.281.328 đồng (Làm tròn 21.178.281.000 đồng) trị giá số hàng mà Chi nhánh Công ty Gang thép Thái Nguyên Tại Hà Nội đã giao vượt hạn mức bảo lãnh, bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung đã thừa nhận và chịu trách nhiệm cá nhân hoàn trả cho Công ty Gang thép Thái Nguyên nên ghi nhận.

- Ngoài yêu cầu ngân hàng BIDV thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Công ty Gang thép Thái Nguyên còn có yêu cầu đòi số tiền hàng trị giá 5.499.811.142 đồng với Công ty An Nguyên và Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Dương nhưng những khoản tiền này không có cơ sở liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Công ty Gang thép Thái Nguyên có thể khởi kiện theo trình tự tố tụng dân sự.

- Yêu cầu đòi hồ sơ giấy tờ Nhà máy gạch của bị cáo Nguyễn Quốc Đạt và các yêu cầu dân sự phát sinh khác giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự.

- Các yêu cầu phát mại tài sản khác theo quy định của Luật thi hành án dân sự.



IV. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố các bị cáo: **Nguyễn Quốc Đạt** và **Nguyễn Thị Hồng Nhung** phạm tội "Sử dụng trái phép tài sản"; **Trần Văn Song** phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng"; **Dương Bá Hòa** và **Nguyễn Việt** phạm tội "Chiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

- Áp dụng khoản 3 điều 142; điểm p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: **Nguyễn Quốc Đạt** 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 05/7/2013.

* Xử phạt: **Nguyễn Thị Hồng Nhung** 04 (Bốn) năm 01 (Một) tháng 07 (Bảy) ngày tù. Trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 06/9/2012 đến ngày 13/10/2016. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. (Hình phạt bằng thời gian tạm giam).

- Áp dụng khoản 3 điều 165; điểm p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46; điều 47 Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: **Trần Văn Song** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 2 điều 285; điểm p, q khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46; điều 47; điều 60 Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: **Dương Bá Hòa** 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm giám sát giáo dục. Trường hợp thay đổi nơi cư trú áp dụng theo quy định tại khoản 1 điều 69 luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 2 điều 285; điểm p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46; điều 47; điều 60 Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: **Nguyễn Việt** 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm giám sát giáo dục. Trường hợp thay đổi nơi cư trú áp dụng theo quy định tại khoản 1 điều 69 luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

*** Về dân sự:**

- Nguyễn Quốc Đạt phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền **99.762.000.000 đồng (Chín mươi chín tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng)**. Ghi nhận sự đồng ý của Nguyễn Quốc Đạt để Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp số 1746.2010/HĐTC; 1747.2010/HĐTC; 1748.2010/HĐTC; 1749.2010/HĐTC cùng ngày 14/09/2010 cho các hợp đồng tín dụng số: 110405-TL/KH.NHNT, ngày 02/8/2011, số: 110409-TL/KH.NHNT, ngày 03/8/2011 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số: 927/2011 ngày 19/4/2011 mà Nguyễn Quốc Đạt đã ký kết với Ngân hàng để khấu trừ vào số tiền phải trả.

- Ghi nhận sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền bảo lãnh **51.337.050.000 đồng (Năm mươi một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)** thay cho Công ty Lương Thổ do Nguyễn Thị Hồng Nhung làm giám đốc và số tiền **50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)** thay cho Công ty Hồng Trang do Nguyễn Quốc Đạt làm giám đốc, cho Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO).

- Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị Hồng Nhung thực hiện nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) số tiền **51.337.050.000 đồng (Năm mươi một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)** khi Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) số tiền này. Ghi nhận sự đồng ý của Nguyễn Thị Hồng Nhung và Nguyễn Quốc Đạt để Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba để vay vốn Ngân hàng, số công chứng 1085 ngày 08/04/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba để vay vốn Ngân hàng, số công chứng 1079 ngày 08/04/2011, cho Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2010/HĐBL ngày 06/01/2011 mà Nguyễn Thị Hồng Nhung đã ký kết với Ngân hàng để khấu trừ vào số tiền hoàn trả.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Quốc Đạt thực hiện nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) số tiền **50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)** khi Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) số

tiền này và trả cho Ngân hàng **61.239.450.000 đồng (Sáu mươi một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)** theo các hợp đồng tín dụng ngắn hạn. Ghi nhận sự đồng ý của Nguyễn Quốc Đạt để Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) phát mại tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2007/HĐTC ngày 14/09/2007; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 03/2007/HĐTC ngày 12/11/2007; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2009/HĐTC ngày 13/10/2009; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC; số 02/2011/HĐTC; số 03/2011/HĐTC; số 04/2011/HĐTC và số 05/2011/HĐTC cùng ngày 08/07/2011 cho các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐHM ngày 22/6/2011 và Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2011/HĐBL ngày 22/6/2011 mà Nguyễn Quốc Đạt đã ký kết với Ngân hàng để khấu trừ vào số tiền hoàn trả.

- Ghi nhận trách nhiệm của Nguyễn Thị Hồng Nhung hoàn trả số tiền **21.178.281.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng)** cho Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO).

- Các yêu cầu dân sự khác giải quyết theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các yêu cầu phát mại tài sản khác thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

* **Án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* **Các bị cáo, Nguyên đơn dân sự, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THA Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

SAO Y BẢN CHÍNH

Số 2052 ngày 11 tháng 12 năm 2019

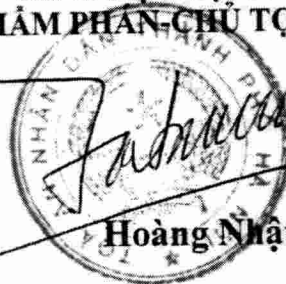
Cấp cho: C.T. Gary, Thụ, Thái, Nguyễn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TL. CHÁNH ÁN



**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**



Hoàng Nhật Tân

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Quỳnh Châm

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2018/HS-PT

Ngày: 19/3/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa: Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 15, 16 và 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân
dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự
thụ lý số 380/2017/HSPT ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Trịnh
Khánh Hồng và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, nguyên đơn
dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 18 tháng 4 năm
2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

* Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. **Trịnh Khánh Hồng**; sinh năm 1967; nơi ĐKNKTT: A20 BT3 Khu
đô thị Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Phòng 215
B6 Khu tập thể Trung Tự, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà
Nội; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám Công ty cổ phần
xuất nhập khẩu Tân Hồng; con ông Trịnh Xuân Kỳ và bà Nguyễn Thị Ngoạn;



vợ là Phạm Thị Thu Hằng và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: 03 tiền sự; bị bắt ngày 28/8/2012, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam T16 - Bộ Công an; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1963; nơi ĐKNKTT: Phòng 1501 No 14B, Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Nhà 16/161 Nguyễn Xiển, Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nguyên Kế toán trưởng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tân Hồng; con ông Nguyễn Văn Quỹ và bà Nguyễn Thị Nhâm; vợ là Võ Thị Tuyết Lan và có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: năm 1994 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kết án 08 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân” và “Tàng trữ vũ khí quân dụng trái phép”; bị bắt tạm giam ngày 24/10/2014, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam T16 - Bộ Công an; có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Thị Minh Hiền, sinh năm 1968; nơi ĐKNKTT: số 28/241 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; chỗ ở: P1406, Nhà 17T9, khu đô thị Trung Hòa, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Agribank, Chi nhánh Hồng Hà; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Đỗ Tràng Khanh (đã chết) và bà Trương Thị Xuân Vinh; chồng là Trần Hồng Kỳ và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 16/5/2012, ngày 28/11/2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Hữu Tuân, sinh năm 1974; nơi ĐKNKTT: Tổ 1, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Giang Linh; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Trần Hữu Tuất và bà Bùi Thị Lụa; vợ là Hoàng Thị Thủy và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 28/8/2012 đến ngày 28/11/2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Thị Mỹ**, sinh năm 1974; nơi ĐKNKTT: Lô 8, khu B, X3 Tổ 30, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; chỗ ở: số 2, ngõ 105/28 Doãn Kế Thiện, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty TNHH Thái An; con ông Nguyễn Văn Mạch và bà Lê Thị Nhung, chồng là Nguyễn Thế Đạo và có 01 con sinh năm 2007; bị bắt từ ngày 28/8/2012 đến ngày 28/11/2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

(Trong vụ án này còn có các bị cáo khác không có đơn kháng cáo là: Đỗ Đức Hưng, Đinh Văn Hải, Đỗ Hữu Bách, Nguyễn Văn Thúy, Đinh Minh Đạo; riêng bị cáo Trương Đăng Dân tuy có đơn kháng cáo, nhưng sau đó đã rút kháng cáo)

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

Bào chữa cho các bị cáo Trịnh Khánh Hồng, Đỗ Thị Minh Hiền: Luật sư **Đặng Thị Vân Thịnh** - Văn phòng luật sư Kết Nối thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mạnh, có Luật sư **Vũ Công Dũng** - Văn phòng luật sư Bảo Hiến thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Hữu Tuân, Nguyễn Thị Mỹ, có Luật sư **Nguyễn Đình Khỏe** - Văn phòng luật sư Tràng Thi thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

** Các nguyên đơn dân sự có kháng cáo:*

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: số 2 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc Khánh; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; vắng mặt.

Những người đại diện theo ủy quyền gồm:

1. Bà Nguyễn Việt Hà - Phó ban pháp chế; có mặt tại phiên tòa.
2. Ông Vũ Thanh Liêm - Phó Trưởng ban khách hàng lớn; có mặt tại phiên tòa.



3. Ông Bùi Đức Khang - Giám đốc Agribank chi nhánh Hồng Hà; có mặt tại phiên tòa.
4. Ông Vũ Việt Hưng - Trưởng phòng pháp chế; có mặt tại phiên tòa.
5. Ông Trịnh Xuân Thủy - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh chi nhánh Hồng Hà; có mặt tại phiên tòa.
6. Ông Nguyễn Văn Tuyên - Trưởng phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ Agribank chi nhánh Hồng Hà theo Quyết định ủy quyền số 319/QĐ-HĐTV-PC ngày 10/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

2. Công ty cổ phần kim khí Hà Nội (VNSTEEL)

Địa chỉ: số 20 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Công Dũng - Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Lê Trung Sơn - Công ty Luật hợp danh Niềm tin Việt thuộc Đoàn luật sư Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

3. Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí,

Địa chỉ: số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình Trung; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Hoàng Anh Tuấn - Công ty luật TNHH thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

4. Công ty TNHH Thiết bị nặng Tất Hồng;

Địa chỉ: số 27/38 Cộng Hòa; phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Cẩm Quyền (Sit Kam Kuen); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Hoàng Anh Tuấn - Công ty luật TNHH thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

5. Công ty cổ phần thép Việt Nhật,

Địa chỉ: P12A-06 nhà 17 T3 đường Hoàng Đạo Thúy, quận cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Minh Phương; chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Liêm - Nhân viên pháp chế; có mặt tại phiên tòa.

6. Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên,

Địa chỉ: Tổ 21, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Ngọc Diệp - Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Giám đốc chi nhánh Công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

7. Công ty TNHH thương mại Tràng An.

Địa chỉ: ngã tư Lục Quân, xóm Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Nhu - Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Hoàng Hữu Huân thay mặt ông Nhu Giám đốc Công ty đã tự nguyện rút kháng cáo.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:* Luật sư Đinh Văn Thanh và Luật sư Phạm Thị Hương - Công ty luật TNHH Thanh Thiên Hà thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Tại phiên tòa luật sư Thanh xin vắng mặt, luật sư Hương có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy không kháng cáo nhưng được triệu tập đến phiên tòa.*

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà, Hà Nội.

Địa chỉ: số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Đức Khang; chức vụ: Giám đốc; có mặt tại phiên tòa.



2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh, sinh năm 1961; trú tại: thôn Hòa Lạc, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Bà Thanh ủy quyền cho ông Hoàng Hữu Huân - thay mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà:* Luật sư Trần Thị Ngọc Bích - Công ty luật TNHH S.U.N Việt Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hồng Hà (viết tắt là Agribank chi nhánh Hồng Hà) là đơn vị thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt là Agribank Việt Nam). Ngày 20/3/2007, Hội đồng quản trị Agribank Việt Nam có Quyết định số 178/QĐ/HĐQT-TCCB về việc đổi tên Chi nhánh Agribank Quảng An thành Chi nhánh Agribank Hồng Hà, trụ sở tại số 164, Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ngày 09/9/2009, Chủ tịch Hội đồng quản trị Agribank Việt Nam có Quyết định số 1248/QĐ/HĐQT-TCCB bổ nhiệm lại ông Đỗ Đức Hưng giữ chức vụ Giám đốc Agribank chi nhánh Hồng Hà. Ngày 29/10/2010, Giám đốc Agribank chi nhánh Hồng Hà có Quyết định số 96 bổ nhiệm bà Đỗ Thị Minh Hiền giữ chức vụ Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh; ngày 14/8/2008, Giám đốc Agribank chi nhánh Hồng Hà có Quyết định số 135 bổ nhiệm ông Trương Đăng Dân giữ chức vụ Phó phòng kế hoạch kinh doanh.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tân Hồng (viết tắt là Công ty Tân Hồng) đăng ký thành lập lần đầu ngày 23/4/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 12 từ ngày 18/3/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội; ngành nghề kinh doanh có nhiều lĩnh vực, trong đó có: trồng rừng và chăm sóc rừng; sản xuất, chế

biên, buôn bán giấy và các sản phẩm từ giấy, bột giấy; buôn bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành công nghiệp; buôn bán vật liệu xây dựng... Người đại diện theo pháp luật là Trịnh Khánh Hồng, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Công ty TNHH thương mại và khai thác khoáng sản Đức Hùng (viết tắt là Công ty Đức Hùng) đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/3/2012. Ngành, nghề kinh doanh nhiều lĩnh vực, trong đó có chế biến, buôn bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ; buôn bán sắt thép... Người đại diện theo pháp luật từ tháng 5/2010 đến tháng 4/2011 là Đinh Văn Hải; từ tháng 5/2011 là Đỗ Hữu Bách.

Công ty TNHH một thành viên Giang Linh (viết tắt là Công ty Giang Linh) đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 22/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 31/8/2011. Ngành, nghề kinh doanh nhiều lĩnh vực, trong đó có bán buôn sắt, thép. Người đại diện theo pháp luật là Trần Hữu Tuấn - Giám đốc.

Công ty TNHH thương mại Thái An (viết tắt là Công ty Thái An) đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 23/9/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/8/2011. Ngành, nghề kinh doanh nhiều lĩnh vực, trong đó có bán buôn sắt, thép. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Mỹ - Giám đốc.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng, Công ty Giang Linh, Công ty Thái An có quan hệ tín dụng với Agribank chi nhánh Hồng Hà. Trịnh Khánh Hồng cùng đồng phạm đã có hành vi gian dối trong việc lập hồ sơ, ký các Hợp đồng tín dụng, ký các Hợp đồng kinh tế có bảo lãnh của Agribank chi nhánh Hồng Hà để chiếm đoạt tiền của Nhà nước và của các doanh nghiệp, cụ thể như sau:

I. Hành vi mà Trịnh Khánh Hồng và đồng phạm phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Đỗ Đức Hùng và đồng phạm phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” trong việc Công ty Tân Hồng vay 20,5 triệu USD của Agribank chi nhánh Hồng Hà để thực hiện dự án trồng rừng nguyên liệu.

Công ty Tân Hồng được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt quy hoạch chi tiết trồng rừng nguyên liệu tại các Quyết định số 3226 ngày 07/7/2009 và Quyết định số 5581 ngày 29/10/2009 với tổng diện tích 47,188,8ha trải dài tại các huyện Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Thanh.Chương và Tân Kỳ, tỉnh Nghệ.An.

Để có vốn thực hiện dự án, Trịnh Khánh Hồng đã liên hệ với Đỗ Đức Hưng để xin vay vốn. Được sự đồng ý của Hưng, Trịnh Khánh Hồng đã giao cho Nguyễn Văn Mạnh, Kế toán trưởng Công ty Tân Hồng lập hồ sơ vay vốn. Ngoài phương án triển khai dự án, các quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, Trịnh Khánh Hồng đã chỉ đạo Nguyễn Văn Mạnh ký các báo cáo tài chính phản ánh không đúng sự thật nhằm để đảm bảo điều kiện vay, cụ thể: Năm 2008 và 2009 Công ty Tân Hồng kinh doanh thua lỗ, nhưng báo cáo lại thể hiện năm 2008 lãi 2.840.670.171đồng và năm 2009 lãi 6.043.408.561đồng. Ngày 19/11/2009, Trịnh Khánh Hồng ký Giấy đề nghị số 19/CV/2009/TH gửi Agribank chi nhánh Hồng Hà để xin vay vốn với nội dung: tổng mức vốn dự án 33.254.227 USD, vốn tự có 12.536.817 USD, số tiền xin vay là 20.717.410 USD (BL 16389).

Do khoản vay của Công ty Tân Hồng vượt quyền phán quyết nên ngày 25/11/2009, Đỗ Đức Hưng đã ký Tờ trình số 01/NHNHH-KHKD báo cáo Tổng giám đốc Agribank Việt Nam để xin phê duyệt cho vay dài hạn vượt mức phán quyết (BL 16390). Đỗ Đức Hưng giao cho Trương Đăng Dân và Nguyễn Văn Thúy, cán bộ tín dụng Agribank chi nhánh Hồng Hà tiếp nhận hồ sơ, thẩm định dự án. Nguyễn Văn Thúy là cán bộ trực tiếp thẩm định đã thực hiện không đúng quy trình, không thẩm định tại Công ty Tân Hồng, không kiểm tra đối chiếu tại cơ quan thuế về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không xác minh tình hình tài chính, nguồn vốn tự có của Công ty Tân Hồng mà chỉ thẩm định trên cơ sở tài liệu do Công ty Tân Hồng cung cấp. Ngày 04/12/2009, Nguyễn Văn Thúy lập, ký báo cáo thẩm định, đề xuất đồng ý với đề nghị cho vay vượt quá quyền hạn của Giám đốc Chi nhánh, số tiền cho vay 20.717.410 USD; thời hạn cho vay tối đa 12 năm; Công ty Tân Hồng phải tham gia vốn tự có tối thiểu 37,7% tổng mức đầu tư tương đương 12.536.817 USD. Trương

Đặng Dân lúc này là Phó Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh, trực tiếp phụ trách khoản vay này đã không kiểm tra cụ thể mà ký kiểm soát, rồi trình Đỗ Đức Hưng, giám đốc ký duyệt vào báo cáo thẩm định (BL 16393-16417).

Theo quy định của Agribank Việt Nam đối với các khoản vay vượt quyền phán quyết của Chi nhánh thì Ban tín dụng doanh nghiệp phải tái thẩm định (trên cơ sở hồ sơ do Agribank chi nhánh Hồng Hà trình). Ngày 07/12/2009, Phạm Thị Liên, cán bộ; Hà Sỹ Vịnh, Phó ban và Đỗ Quang Vinh, Trưởng ban tín dụng Doanh nghiệp Agribank Việt Nam ký Báo cáo thẩm định với nội dung đồng ý cho Công ty Tân Hồng vay 20.717.410 USD để trồng rừng nguyên liệu theo đề nghị cho vay vượt quyền của Agribank chi nhánh Hồng Hà. Ngày 08/12/2009, ông Kiều Trọng Tuyển, Phó Tổng giám đốc Agribank Việt Nam đã ký văn bản số 6412 phê duyệt cho vay 20.717.410 USD. Trong đó có yêu cầu: Giải ngân theo phương án đầu tư ứng vốn cho hộ nông dân thực hiện trồng rừng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất bột giấy Tân Hồng và tiến độ thực hiện dự án trên cơ sở diện tích nghiệm thu hợp lệ, hợp pháp và theo tỷ lệ vốn tự có tối thiểu 37,7% tổng vốn đầu tư (tương ứng 12.536.817 USD) của dự án; Agribank chi nhánh Hồng Hà phải thành lập Tổ theo dõi cho vay dự án để phối hợp với Công ty Tân Hồng, Ban chỉ đạo huyện, xã, thôn, bản trong quá trình giải ngân, quản lý nợ vay và thu nợ. Agribank chi nhánh Hồng Hà tổ chức thực hiện việc cho vay, theo dõi, kiểm tra quản lý món vay; Áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, giải ngân thu nợ đúng chế độ tín dụng hiện hành và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Agribank Việt Nam và trước pháp luật về việc cho vay (BL 16424-16426).

Trên cơ sở phê duyệt của Agribank Việt Nam, ngày 09/12/2009, Đỗ Đức Hưng và Trịnh Khánh Hồng đã ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 1260-LAV-200900665 với nội dung, phương thức cho vay từng lần; số tiền cho vay cao nhất là 20.717.410 USD; mục đích vay: Đầu tư dự án trồng rừng nguyên liệu phục vụ cho nhà máy sản xuất bột giấy Tân Hồng; thời hạn cho vay là 12 năm (trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 05 năm). Thời gian cho vay từng giấy nhận nợ tối đa 07 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: cho vay có đảm bảo bằng tài sản, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có

của doanh nghiệp tham gia. Agribank chi nhánh Hồng Hà có quyền: kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Công ty Tân Hồng; chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Công ty Tân Hồng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng. Công ty Tân Hồng có nghĩa vụ: cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong hợp đồng. Điều khoản bắt buộc: chỉ sử dụng vốn nhận được để thực hiện dự án (BL 16427-16431).

Mặc dù Hợp đồng tín dụng ghi như vậy nhưng Agribank chi nhánh Hồng Hà đã cho Công ty Tân Hồng vay không có tài sản đảm bảo, không ký hợp đồng thế chấp tài sản, Công ty Tân Hồng không có vốn tự có tham gia vào dự án theo yêu cầu của Agribank Việt Nam và cam kết của Công ty Tân Hồng. Theo quy định của Agribank Việt Nam: Việc giải ngân phải theo phương án đầu tư ứng vốn cho hộ nông dân và tiến độ thực hiện dự án trên cơ sở diện tích nghiệm thu hợp lệ, hợp pháp và theo tỷ lệ vốn tự có tham gia dự án của doanh nghiệp, nhưng Agribank chi nhánh Hồng Hà mà trực tiếp là Nguyễn Văn Thúy, Đinh Minh Đạo, Trương Đăng Dân, Đỗ Đức Hưng đã không kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn vay, giải ngân không theo tiến độ, không có biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện, không thành lập tổ theo dõi dự án để phối hợp với Công ty Tân Hồng, Ban chỉ đạo huyện, xã, thôn, bản trong quá trình giải ngân mà chỉ căn cứ vào đơn của Công ty Tân Hồng ngày 10/12/2009 đề nghị giải ngân năm 2009 là 7 triệu USD; năm 2010 là 13.717.410 USD (BL 16432-16433) và 09 Giấy nhận nợ của Công ty Tân Hồng (BL16434;16457;16532;16564;16581;16615;16626; 16631; 16702) để giải ngân trong khoảng thời gian 6 tháng là 20,5 triệu USD. Trong đó, Nguyễn Văn Thúy tham gia giải ngân 05 lần số tiền 17 triệu USD tương ứng 314.016.000.000 đồng. Công ty Tân Hồng nhận tiền, sử dụng như sau:

- Ngày 15/12/2009, giải ngân 1.210.407 USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 22.355.006.883 đồng, sử dụng: trả tiền cho các doanh nghiệp mà Công ty Tân Hồng có quan hệ mua bán máy móc, thiết bị phục vụ cho dự án nhà máy sản xuất bột giấy (không thuộc dự án trồng rừng) 6 tỷ 740 triệu đồng.

Lô Thị Minh, Nguyễn Thị Mỹ nhân viên Công ty Tân Hồng rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 15,6 tỷ đồng (BL 16434- 16456);

- Ngày 21/12/2009, giải ngân 5,5 triệu USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 101.612.500.000 đồng, sử dụng: trả nợ các khoản vay của Công ty Tân Hồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà 19.057.075.120 đồng; trả cho khoản vay của Công ty Đức Hùng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà 14.894.524.999 đồng; trả các doanh nghiệp có quan hệ kinh tế với Công ty Tân Hồng 3.688.081.647 đồng; Lô Thị Minh, Nguyễn Thị Mỹ nhân viên Công ty Tân Hồng rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 63.288.324.000 đồng (BL 16457-16531);

- Ngày 19/01/2010, giải ngân 5,415 triệu USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 100.009.635.000 đồng, sử dụng trả nợ cho khoản vay của Công ty Đức Hùng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà 49.961.266.667 đồng; trả tiền cho các doanh nghiệp có quan hệ kinh tế với Công ty Tân Hồng 2.464.600.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ, Lô Thị Minh, rút tiền mặt đưa Hồng sử dụng 47.171.578.000 đồng (BL 16532-16563);

- Ngày 22/01/2010, giải ngân 1.374.593 USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 25.387.358.117 đồng, sử dụng: trả cho các doanh nghiệp có quan hệ kinh tế với Công ty Tân Hồng 2.706.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 22 tỷ đồng (BL 16564-16580);

- Ngày 26/01/2010, giải ngân 3,5 triệu USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 64.641.500.000 đồng, sử dụng trả nợ cho khoản vay của Công ty Đức Hùng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà 15 tỷ 926 triệu đồng; trả cho các doanh nghiệp có quan hệ kinh tế với Công ty Tân Hồng 2.224.551.200 đồng; Lô Thị Minh rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 45,9 tỷ đồng (BL 16581-16614);

Sau khi Nguyễn Văn Thụ chuyển công tác, Đỗ Đức Hưng giao cho Đinh Minh Đạo, cán bộ tín dụng tiếp quản hồ sơ. Khi giải ngân, Đinh Minh Đạo thực hiện không đúng quy trình, không kiểm tra, giám sát sau giải ngân, giải ngân không căn cứ vào kết quả nghiệm thu việc thực hiện dự án, trực tiếp giải ngân 4 lần, số tiền 3,5 triệu USD, tương ứng 66.020.338.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 05/02/2010, giải ngân 1.000.000 USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 18.469.000.000 đồng, sử dụng trả cho doanh nghiệp có quan hệ kinh tế với Công ty Tân Hồng 6.000.000.000 đồng; Lô Thị Minh rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 12.000.000.000 đồng (BL16615-16625);

- Ngày 26/3/2010, giải ngân 31.400 USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 598.798.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 600.000.000 đồng (16626-16630);

- Ngày 01/4/2010, giải ngân 1.800.000 USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 34.326.000.000 đồng, sử dụng trả cho các doanh nghiệp có quan hệ kinh tế với Công ty Tân Hồng 10.005.408.901 đồng; Nguyễn Thị Mỹ, Lô Thị Minh rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 25.100.000.000 đồng (BL16631-16701);

- Ngày 02/06/2010, giải ngân 668.600 USD, Công ty Tân Hồng bán thu được 12.636.540.000 đồng và sử dụng trả cho các doanh nghiệp mà Công ty Tân Hồng có quan hệ 357.074.886 đồng; Nguyễn Thị Mỹ rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 12.000.000.000 đồng (BL16702-16717).

Như vậy, từ ngày 15/12/2009 đến ngày 02/6/2010, Agribank chi nhánh Hồng Hà giải ngân cho Công ty Tân Hồng vay 20,5 triệu USD, Công ty Tân Hồng bán ngoại tệ thu được 380.036.338.000 đồng. Nguyễn Văn Mạnh, với vai trò Kế toán trưởng Công ty Tân Hồng, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát việc thu-chi của Công ty Tân Hồng nhưng thực hiện không đúng nguyên tắc tài chính, ký sẵn tên vào các ủy nhiệm chi không ghi nội dung, từ đó tạo điều kiện cho Trịnh Khánh Hồng dễ dàng rút tiền mặt, chuyển tiền cho các doanh nghiệp, sử dụng tiền vay sai mục đích. Trên hệ thống sổ sách cũng như các chứng từ lưu trữ tại Công ty Tân Hồng đều thể hiện Trịnh Khánh Hồng chỉ sử dụng đúng mục đích vốn vay cho dự án trồng rừng là 4.635.729.700 đồng để mua phân bón, cây giống. Còn lại trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà 102.307.886.786 đồng; sử dụng cho Công ty Tân Hồng nhưng lại ở các dự án khác và với mục đích khác 33.492.839.514 đồng; nhân viên Công ty Tân Hồng rút tiền mặt đưa cho Trịnh Khánh Hồng 239.609.902.000 đồng. Do không kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay nên Đỗ Đức Hưng,

Trương Đăng Dân, Nguyễn Văn Thúy, Đinh Minh Đạo chỉ biết số tiền Trịnh Khánh Hồng trả nợ cho các khoản vay trước đó của Công ty Tân Hồng và Công ty Đức Hùng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà; các khoản khác thì không nắm được.

Sau khi Agribank chi nhánh Hồng Hà đã giải ngân hết số tiền 20,5 triệu USD, lúc này Đỗ Đức Hùng mới chỉ đạo Trương Đăng Dân, Đinh Minh Đạo yêu cầu Công ty Tân Hồng cung cấp chứng từ, tài liệu thể hiện việc sử dụng tiền vay cho dự án. Do đã sử dụng sai mục đích như nêu trên, nên để hợp thức với hồ sơ vay, Trịnh Khánh Hồng chỉ đạo bộ phận kế toán lập không 965 phiếu chi tiền cho các hộ dân, sau đó chuyển cho Trịnh Khánh Hồng ký vào mục Giám đốc, còn Nguyễn Văn Mạnh, ký vào mục Kế toán trưởng, Lô Thị Minh ký mục người lập biểu, Nguyễn Văn Bình ký mục thủ quỹ trên 965 chi tiền này với số tiền 377.598.010.350 đồng để nộp cho Agribank chi nhánh Hồng Hà, đây là các phiếu chi không đúng thực tế của Công ty Tân Hồng.

Theo quy định của Agribank Việt Nam tại Công văn số 6412 ngày 08/12/2009 thì việc trả nợ gốc tối đa 06 tháng/01 kỳ trả nợ, kỳ đầu tiên là sau 06 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn nợ (sau 05 năm kể từ ngày được vay vốn); trả nợ lãi tối đa 3 tháng 01 lần (kể cả thời gian ân hạn nợ). Ngày 17/12/2009, Agribank Việt Nam thông báo ngày trả nợ gốc đầu tiên đối với khoản vay của Công ty Tân Hồng đối với khoản vay này là ngày 16/05/2015. Tuy nhiên, do đã sử dụng tiền vào các mục đích nêu trên nên Công ty Tân Hồng không thực hiện việc trả nợ lãi và gốc cho Agribank chi nhánh Hồng Hà, dự án không được thực hiện, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán. Ngày 22/11/2011 Agribank chi nhánh Hồng Hà thông báo thu hồi vốn trước hạn, ngày 30/12/2012 đã chuyển toàn bộ khoản vay này thành nợ quá hạn, phải trích lập quỹ dự phòng xử lý rủi ro.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận:

- Trịnh Khánh Hồng là người chỉ đạo Nguyễn Văn Mạnh lập hồ sơ vay vốn, trên Hợp đồng tín dụng ghi hình thức bảo đảm tiền vay là toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp tham gia, thực tế Công ty Tân Hồng và Agribank chi nhánh Hồng Hà không ký Hợp đồng bảo

đảm tiền vay, cũng không có tài sản đảm bảo. Trên sổ sách của Công ty Tân Hồng thể hiện Công ty Tân Hồng không sử dụng vốn tự có vào dự án trồng rừng nguyên liệu. Sau khi giải ngân Công ty Tân Hồng không phải cung cấp tài liệu chứng từ gì cho Agribank chi nhánh Hồng Hà. Đến năm 2011, theo yêu cầu của Agribank chi nhánh Hồng Hà thì Hồng đã chỉ đạo Mạnh kế toán trưởng lập các phiếu chi và hoàn tất thủ tục để nộp cho Agribank chi nhánh Hồng Hà. Toàn bộ 965 phiếu chi tiền cho các hộ dân là phiếu chi không, Công ty Tân Hồng không chi tiền theo các phiếu chi này. Ý định vay để trồng rừng phục vụ nhà máy giấy là đúng, nhưng do phát sinh nợ phải trả và 1 số khoản tiền phải chi nên đã sử dụng sai mục đích. Hồng thừa nhận hành vi sai phạm nhưng khai trong sổ tiền nhân viên rút đưa cho Hồng 239.609.902.000 đồng thì Hồng có chi khoảng 100 tỷ đồng làm đường cho dự án, chi khoảng 30 tỷ đồng làm vườn ươm cây cho dự án, chi 100 tỷ đồng vào dự án khai thác mỏ vàng tại Quế Phong, Nghệ An, nhưng không có chứng từ, tài liệu chứng minh, không thể hiện trên sổ sách kế toán của Công ty Tân Hồng. Hồng thừa nhận đến nay không còn khả năng thanh toán (BL15812-15821; 15828-15829; 15834-15835; 15842-15843; 15848-15851; 15860-15861; 30087-30090).

- Nguyễn Văn Mạnh khai: Theo sự chỉ đạo của Hồng thì Mạnh ký 02 hệ thống báo cáo tài chính, trong đó báo cáo gửi cơ quan thuế thể hiện Công ty thua lỗ là phản ánh đúng sự thật còn báo cáo gửi Agribank chi nhánh Hồng Hà để vay vốn thể hiện Công ty kinh doanh có lãi là phản ánh không đúng sự thật. Theo yêu cầu của Hồng nên Mạnh ký mục Kế toán trưởng trên các ủy nhiệm chi không ghi nội dung, vì vậy không biết Hồng sử dụng tiền vào mục đích gì. Mạnh thừa nhận trên hệ thống sổ sách kế toán của Công ty Tân Hồng chỉ chi 4.635.729.700 đồng vào dự án trồng rừng. Mạnh ký mục kế toán trưởng trên 965 phiếu chi tiền cho các hộ dân, thực tế Công ty Tân Hồng không chi khoản tiền này, đây là các phiếu chi tiền không. (BL 15896-15905; 15900-15911; 29821-29822; 30081-30084)).

- Đỗ Đức Hưng khai: Việc cho Công ty Tân Hồng vay 20,5 triệu USD không ký hợp đồng thế chấp tài sản, không có tài sản đảm bảo. Ngay lần giải ngân thứ 2 Hưng đã đồng ý và chỉ đạo Dân, Thúy, sau đó là Đạo khi giải ngân

thì giữ lại một phần tiền để thu nợ đối với các khoản vay đến hạn của Công ty Tân Hồng và Công ty Đức Hùng. Việc giải ngân không theo tiến độ thực hiện dự án, không có biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện, không kiểm tra giám sát sau giải ngân, nên đã để Hồng sử dụng vốn vay sai mục đích (BL 15935-15944; 15947-15954; 15957-15968; 30091-30092).

- Trương Đăng Dân, Nguyễn Văn Thúy, Đinh Minh Đạo khai: Việc thẩm định không đúng quy trình, không thẩm định tại doanh nghiệp. Thực hiện chỉ đạo của Hưng đã giải ngân cho vay thực hiện dự án xong lại tiến hành thu nợ tại các Hợp đồng tín dụng khác của Công ty Tân Hồng và Công ty Đức Hùng. Việc giải ngân không theo tiến độ thực hiện dự án, không có biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện, không kiểm tra giám sát sau giải ngân, nên để Hồng sử dụng vốn vay sai mục đích (BL 15983-16012; 16017-16040; 16240-16251; 29771-29774).

Trịnh Khánh Hồng với mục đích ban đầu là vay vốn để trồng rừng, dự án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng trình tự, thẩm quyền, sau khi nhận được vốn vay đã sử dụng sai mục đích, không sử dụng cho dự án, dẫn đến không có khả năng hoàn trả cho Nhà nước 20,5 triệu USD. Vì vậy, đã đủ căn cứ xác định phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự, trong đó Trịnh Khánh Hồng chịu trách nhiệm chính, Nguyễn Văn Mạnh là đồng phạm giúp sức. Đối với Lô Thị Minh, Nguyễn Văn Bình là nhân viên, ký vào 965 phiếu chi tiền theo chỉ đạo của Hồng và Mạnh nhưng không biết mục đích để làm gì, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý về hình sự.

Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân Nguyễn Văn Thúy, Đinh Minh Đạo đã cố ý làm trái quy định tại Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân, Nguyễn Văn Thúy, Đinh Minh Đạo thực hiện không đúng yêu cầu của Agribank Việt Nam tại Công văn số 6412 ngày 08/12/2009, sai phạm từ khâu thẩm định đến việc giải ngân, giám sát sau giải ngân, đồng ý cho doanh nghiệp vay để đảo nợ. Từ việc làm trái các quy

định của Hưng, Dần, Thúy, Đạo đã để Trịnh Khánh Hồng lợi dụng, sử dụng vốn vay sai mục đích, không đầu tư tiền vay vào dự án, dẫn đến mất vốn, không có khả năng thu hồi, gây thiệt hại cho Nhà nước 20,5 triệu USD, đủ căn cứ xác định các bị cáo này phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự.

II. Hành vi của Trịnh Khánh Hồng và đồng phạm phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đỗ Đức Hưng và đồng phạm phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” trong việc Công ty TNHH khai thác khoáng sản Đức Hùng vay 80 tỷ đồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà.

Công ty Đức Hùng, do Đinh Văn Hải làm giám đốc, nhưng thực tế do Trịnh Khánh Hồng thành lập, chỉ đạo hoạt động. Tháng 5/2010, Công ty Tân Hồng có một số khoản nợ đến hạn phải trả cho Agribank chi nhánh Hồng Hà, nhưng không có tiền trả nợ. Do Công ty Tân Hồng không thể vay được tiền nên Hồng và Hưng thống nhất phương án: Agribank chi nhánh Hồng Hà cho Công ty Đức Hùng vay vốn để lấy tiền đảo nợ cho Công ty Tân Hồng. Sau đó, Trịnh Khánh Hồng chỉ đạo Đinh Văn Hải ký hồ sơ xin vay. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trịnh Khánh Hồng, Đinh Văn Hải lập không các báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh, ký không các hợp đồng kinh tế và các chứng từ, hóa đơn, để hoàn thiện bộ hồ sơ xin vay. Đỗ Đức Hưng giao Trương Đăng Dần và Đinh Minh Đạo có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cho Công ty Đức Hùng vay vốn. Do biết việc cho Công ty Đức Hùng vay chỉ là hình thức để đảo nợ cho Công ty Tân Hồng, nên Đạo và Dần không thẩm định hồ sơ. Ngày 06/5/2010 Đạo và Dần ký phiếu xếp loại Công ty Đức Hùng là khách hàng loại A; ký báo cáo thẩm định đồng ý cho Công ty Đức Hùng vay 80 tỷ đồng, rồi trình Hưng ký duyệt (BL 27216-27219; 27220-27227). Ngày 06/5/2010, Đỗ Đức Hưng và Đinh Văn Hải ký Hợp đồng tín dụng số 1260 LAV 201000184; số tiền vay 80 tỷ đồng; mục đích vay: thu mua gỗ keo, gỗ bạch đàn, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 06/5/2010 đến 06/5/2011 (BL 27211-27212). Ngày 06/5/2010, Đỗ Đức Hưng và Đinh Văn Hải ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai

số 0605/HĐTC tài sản là gỗ keo số lượng 150.000 tấn, trị giá 72 tỷ đồng và gỗ bạch đàn số lượng 100.000, tấn, trị giá 43 tỷ đồng, Agribank chi nhánh Hồng Hà định giá tài sản là 115 tỷ đồng, thực tế Công ty Đức Hùng không có các tài sản nêu trên.

Để có căn cứ giải ngân, Trịnh Khánh Hồng chỉ đạo Đinh Văn Hải ký không các Hợp đồng mua bán gỗ với Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Thu Hằng, Trần Hương Mai, Lưu Đình Mạnh đều là nhân viên của Hồng (BL 27233-27252). Từ các Hợp đồng mua bán không này, Agribank chi nhánh Hồng Hà mà trực tiếp là Hưng, Dân và Đạo đã ký các thủ tục có liên quan để giải ngân vào tài khoản của các cá nhân trên, đồng thời theo chỉ đạo của Hồng thì các cá nhân này đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Tân Hồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà để Agribank chi nhánh Hồng Hà tiến hành thu hồi nợ, Cụ thể:

- Ngày 06/5/2010, Agribank chi nhánh Hồng Hà giải ngân 20 tỷ đồng vào tài khoản của Trần Hương Mai tại Agribank chi nhánh Mỹ Đình để thực hiện Hợp đồng số 01/HĐMB ngày 07/5/2010, mua 134.000 tấn gỗ, trị giá 67 tỷ đồng giữa Công ty Đức Hùng và Trần Hương Mai. Ngày 07/5/2010, Trần Hương Mai chuyển 20 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty Tân Hồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà để Công ty Tân Hồng trả nợ cho Agribank chi nhánh Hồng Hà;

- Ngày 07/5/2010, Agribank chi nhánh Hồng Hà giải ngân 20 tỷ đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ tại Agribank chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 02/HĐMB ngày 07/5/2010, giữa Công ty Đức Hùng và Nguyễn Thị Mỹ về việc mua bán gỗ cây lóng tròn số lượng 120.000 tấn, trị giá 60 tỷ đồng. Ngày 07/5/2010, Nguyễn Thị Mỹ chuyển vào tài khoản Công ty Tân Hồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà 20 tỷ đồng để Công ty Tân Hồng trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà;

- Ngày 10/5/2010, Agribank chi nhánh Hồng Hà giải ngân 24 tỷ đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị Thu Hằng tại Agribank chi nhánh cầu Giấy theo Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 04/HĐMB ngày 08/5/2010, giữa Công ty Đức Hùng và Nguyễn Thị Thu Hằng về việc mua bán gỗ cây lóng tròn số lượng 160.000 tấn, trị giá 80 tỷ đồng. Ngày 10/5/2010, Nguyễn Thị Thu Hằng

chuyển vào tài khoản Công ty Tân Hồng Agribank chi nhánh Hồng Hà 24 tỷ đồng để Công ty Tân Hồng trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà;

- Ngày 11/5/2010, Agribank chi nhánh Hồng Hà giải ngân 16 tỷ đồng vào tài khoản của Lưu Đình Mạnh tại Agribank chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng mua bán nguyên tắc số 03/HĐMB ngày 07/5/2010, giữa Công ty Đức Hùng và Lưu Đình Mạnh về việc mua bán gỗ cây lóng tròn số lượng 110.000 tấn, trị giá 55 tỷ đồng. Ngày 11/5/2010, Lưu Đình Mạnh chuyển vào tài khoản Công ty Tân Hồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà 16 tỷ đồng để Công ty Tân Hồng trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà;

Sau khi đã giải ngân xong, do trong hồ sơ vay có ghi tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai và quyền sử dụng đất, nên Đỗ Đức Hưng chỉ đạo Trương Đăng Dân và Đinh Minh Đạo yêu cầu Công ty Đức Hùng đưa tài sản vào thế chấp. Ngày 01/9/2011, Agribank chi nhánh Hồng Hà, Công ty Đức Hùng và Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thế Đạo ký Hợp đồng thế chấp số 1337 HĐ/CC, tài sản thế chấp: Thửa đất số 09 tại thôn Đồi Sen, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây, Agribank chi nhánh Hồng Hà định giá tài sản là 52 tỷ đồng. Ngày 03/10/2011, Agribank chi nhánh Hồng Hà, Công ty Đức Hùng ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 310/HĐTC, tài sản thế chấp: Thửa đất số 129 tại thôn Đồng Ràng, xã Đông Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, diện tích 7.146,1m² Agribank chi nhánh Hồng Hà định giá tài sản là 30 tỷ đồng. Ngày 03/10/2011, tại Agribank chi nhánh Hồng Hà, Công ty Đức Hùng ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 311/HĐTC, tài sản thế chấp: Thửa đất số 06 tại thôn Đồng Ràng, xã Đông Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, diện tích 4,9ha, Agribank chi nhánh Hồng Hà, định giá tài sản là 50 tỷ đồng. Tổng 03 tài sản trên được Agribank chi nhánh Hồng Hà định giá là 132 tỷ đồng. Để xác định chính xác giá trị tài sản thế chấp, ngày 23/01/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an có Công văn số 256/C48(P4) gửi Sở Tài chính thành phố Hà Nội đề nghị định giá 03 tài sản thế chấp nêu trên. Ngày 06/4/2015, Sở Tài chính thành phố Hà Nội có Công văn số 1481/STC-BG xác định: giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 09 tại thôn Đồi Sen, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất tại thời điểm tháng 9/2011 là 11.981.004.000đồng, tại thời điểm tháng 02/2015

là 6.072.258.000đồng; thửa đất số 129 tại thôn Đồng Ràng, xã Đông Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay thuộc huyện Quốc Oai, Hà Nội), tại thời điểm tháng 9/2011 là 0 đồng, tại thời điểm tháng 02/2015 là 0 đồng (lý do vì đây là đất nhà nước cho thuê, trả tiền hàng năm, không được phép thế chấp để vay vốn); thửa đất số 06 tại thôn Đồng Ràng, xã Đông Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay thuộc huyện Quốc Oai, Hà Nội), diện tích 4,9ha, tại thời điểm tháng 9/2011 là 8.428.000.000 đồng tại thời điểm tháng 2/2015 là 5.978.000.000 đồng (BL 27895).

Đối với Hợp đồng tín dụng này, ngày 01/6/2011, Công ty Đức Hùng thanh toán trả nợ gốc được 8 tỷ 335 triệu; còn nợ 71,665 tỷ đồng (gốc), đã quá hạn, không còn khả năng thanh toán.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

- Trịnh Khánh Hồng khai: Tháng 5/2010, Công ty Tân Hồng có một số khoản nợ đến hạn phải trả Agribank chi nhánh Hồng Hà nhưng không có tiền trả dẫn đến dư nợ của Công ty Tân Hồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà phải chuyển nợ xấu và chịu lãi suất cao. Hồng đến gặp Đỗ Đức Hùng bàn bạc, thống nhất phương án Agribank chi nhánh Hồng Hà cho Công ty Đức Hùng của Trịnh Khánh Hồng vay vốn bằng cách lập khống hồ sơ vay, lấy tiền trả cho Agribank chi nhánh Hồng Hà. Trịnh Khánh Hồng đã chỉ đạo Đinh Văn Hải, Giám đốc Công ty Đức Hùng ký khống hồ sơ vay, lập khống các báo cáo tài chính, ký khống các hợp đồng kinh tế và các chứng từ, hóa đơn để hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời chỉ đạo các nhân viên là Nguyễn Thị Mỹ, Trần Hương Mai, Nguyễn Thị Thu Hằng, Lưu Đình Mạnh ký các hợp đồng bán gỗ khống cho Công ty Đức Hùng để Agribank chi nhánh Hồng Hà có căn cứ giải ngân, thu nợ (BL 29680-29685; 30087-30090).

- Đinh Văn Hải khai: Đầu tháng 5/2010 Trịnh Khánh Hồng có trao đổi với Hải là hiện nay Hồng và Công ty Tân Hồng cần tiền để sử dụng, trả nợ ngân hàng và nhờ Hải ký các thủ tục, hồ sơ để Công ty Đức Hùng vay 80 tỷ đồng của Agribank chi nhánh Hồng Hà, Hải đồng ý ký khống các hợp đồng kinh tế và các chứng từ, ký khống hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để hoàn thiện hồ sơ vay vốn để Agribank chi nhánh Hồng Hà cho Công ty Đức

Hùng vay 80 tỷ đồng giúp Hồng có tiền trả nợ. Hải thừa nhận việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại 71.665.000.000 đồng của Agribank Việt Nam. Trong việc làm này Hải không được hưởng lợi gì (BL 16258-16269; 29696-26998; 29700-29708).

- Những người có liên quan là Nguyễn Thị Mỹ, Trần Hương Mai, Nguyễn Thị Thu Hằng, Lưu Đình Mạnh khai phù hợp với lời khai của Trịnh Khánh Hồng, Đinh Văn Hải (BL 16288-16297; 16306-16307).

- Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân, Đinh Minh Đạo khai: Việc cho Công ty Đức Hùng vay vốn thực tế là cho vay để đảo nợ cho Công ty Tân Hồng, vì vậy tất cả các thủ tục, quy trình liên quan đến việc cho vay, từ khâu thẩm định, định giá tài sản, giải ngân đều trái quy định của Nhà nước (BL 5924-5926; 16252-16253; 29734-2929748; 29755-29764; 29775-29789).

Trịnh Khánh Hồng với sự giúp sức của Đinh Văn Hải vì mục đích có tiền trả nợ ngân hàng đã có hành vi gian dối ngay từ đầu, tạo lập các hồ sơ không để được vay vốn, đến nay không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Nhà nước 71.665.000.000 đồng, đủ căn cứ xác định phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự. Đối với các cá nhân Nguyễn Thị Mỹ, Trần Hương Mai, Nguyễn Thị Thu Hằng, Lưu Đình Mạnh có hành vi sai phạm, nhưng vì là người làm thuê, làm theo sự chỉ đạo của Hồng, không biết động cơ, mục đích của Hồng, nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự.

Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân, Đinh Minh Đạo đã cố ý làm trái các quy định của Nhà nước trong hoạt động cho vay tín dụng (Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng), gây thiệt hại 71.665.000.000 đồng đủ căn cứ xác định phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự.

III. Hành vi của Trịnh Khánh Hồng và đồng phạm phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong việc Agribank chi nhánh Hồng Hà ký 15 chứng thư bảo lãnh thanh toán cho Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng.

Đầu năm 2011, dư nợ của Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà trên 700 tỷ đồng (Công ty Tân Hồng vay xây dựng nhà máy sản xuất giấy 320 tỷ đồng, dự án trồng rừng 380 tỷ đồng và Công ty Đức Hùng vay 80 tỷ đồng), do không hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn vay sai mục đích, tình hình tài chính khó khăn nên Trịnh Khánh Hồng không có nguồn thu để trả nợ gốc và lãi. Tại thời điểm này, Agribank Việt Nam có quy định: Chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu từ 10% trở lên thì Giám đốc phải kiểm điểm trách nhiệm để xử lý kỷ luật, kể cả bị mất chức. Vì vậy, Đỗ Đức Hưng muốn Trịnh Khánh Hồng trả nợ, nhưng Trịnh Khánh Hồng không có tiền trả cũng không có đủ điều kiện để được vay vốn, đồng thời Hồng cũng muốn có tiền để sửa chữa hệ thống nước thải tại Nhà máy giấy Tân Hồng tại Con Cuông, Nghệ An nên Đỗ Đức Hưng và Trịnh Khánh Hồng thống nhất để có tiền thì Trịnh Khánh Hồng ký các hợp đồng mua bán hàng trả chậm, huy động vốn, Hưng sẽ đại diện Agribank chi nhánh Hồng Hà ký các bảo lãnh thanh toán để tạo niềm tin, sau khi bán hàng, nhận tiền Trịnh Khánh Hồng sử dụng trả nợ khoản vay tại Agribank chi nhánh Hồng Hà, không để nợ xấu xảy ra, sau đó Đỗ Đức Hưng sẽ trình Agribank Việt Nam cấp tín dụng, Hưng cho Hồng vay khoản vay mới để trả cho các doanh nghiệp. Hưng, Hồng đều thừa nhận phải có bảo lãnh của ngân hàng thì các doanh nghiệp mới chuyển tiền, hàng cho Hồng, nếu không có thì Hồng không thể huy động được vốn. Thông qua các mối quan hệ làm ăn kinh tế, Trịnh Khánh Hồng, giám đốc Công ty Tân Hồng ký 12 Hợp đồng kinh tế, Đỗ Hữu Bách, giám đốc Công ty Đức Hùng ký 02 Hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa với 09 doanh nghiệp, Đỗ Đức Hưng đã ký 15 bảo lãnh thanh toán đối với 14 Hợp đồng kinh tế này (có 01 Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng và Chi nhánh Công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội, Đỗ Đức Hưng ký 02 Bảo lãnh thanh toán). Kết quả điều tra xác định, tại thời điểm Đỗ Đức Hưng ký các bảo lãnh thanh toán cho Công ty Tân Hồng và Công ty Đức Hùng, các Công ty này đã hết hạn mức tín dụng, theo quy định Đỗ Đức Hưng

phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị Agribank Việt Nam theo Quyết định số 528/QĐ-HĐQT-TĐN “việc nâng quyền phán quyết tín dụng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Agribank Việt Nam”. Mặc dù biết rõ mình đã sử dụng hết quyền phán quyết tín dụng, nhưng vì động cơ muốn tạo điều kiện cho Trịnh Khánh Hồng có cơ sở để đi huy động vốn, hàng hóa của các doanh nghiệp để lấy tiền trả nợ nên Đỗ Đức Hưng vẫn cố ý ký các bảo lãnh thanh toán. Khi thực hiện, Đỗ Đức Hưng nói cho Đỗ Thị Minh Hiền và Trương Đăng Dân biết và yêu cầu Đỗ Thị Minh Hiền và Trương Đăng Dân ký nháy trên các chứng thư bảo lãnh. Đỗ Thị Minh Hiền và Trương Đăng Dân là các cán bộ Lãnh đạo của Phòng kế hoạch kinh doanh, biết rõ Đỗ Đức Hưng đã sử dụng hết quyền phán quyết tín dụng đối với các Công ty của Trịnh Khánh Hồng, việc phát hành bảo lãnh là vi phạm, vượt quyền phán quyết, Hiền được Hưng nói cho biết ký bảo lãnh để tạo điều kiện cho Công ty Tân Hồng có vốn trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà, nhưng vẫn thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hưng. Đỗ Thị Minh Hiền ký nháy trên 10 bảo lãnh thanh toán, đến nay có 5 bảo lãnh thanh toán Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng trả nợ, chiếm đoạt 118.337.804.178 đồng của doanh nghiệp. Trương Đăng Dân ký nháy trên 02 bảo lãnh thanh toán, cả 02 bảo lãnh này Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt 66.734.485.349 đồng của doanh nghiệp. Đỗ Đức Hưng, Đỗ Thị Minh Hiền, Trương Đăng Dân cố ý làm trái Quyết định số 398/QĐ-HĐQT-TĐ ngày 02/5/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Agribank Việt Nam ban hành quy định bảo lãnh ngân hàng trong hệ thống Agribank Việt Nam “khách hàng lập và gửi ngân hàng: giấy đề nghị bảo lãnh; dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi; hợp đồng tín dụng; hồ sơ tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ được bảo lãnh (nếu phải áp dụng biện pháp bảo đảm); các hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến khoản bảo lãnh; Ngân hàng lập: báo cáo thẩm định các điều kiện bảo lãnh; thư bảo lãnh; các loại thông báo (từ chối bảo lãnh, gia hạn bảo lãnh...); Ngân hàng và khách hàng cùng lập: hợp đồng bảo lãnh; hợp đồng cấp bảo lãnh; hợp đồng bảo đảm cho bảo lãnh; hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ; biên bản kiểm tra đối với giao dịch bảo lãnh; biên bản xác định rủi ro bất khả kháng”. Hưng, Hiền, Dân thực hiện không đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được quy định tại Quyết định số 398/QĐ-HĐQT-TĐ “Trường hợp vượt phạm

vi được ủy quyền, Giám đốc chi nhánh Agribank lập Tờ trình và chuyển toàn bộ hồ sơ trình Tổng giám đốc Agribank Việt Nam xem xét, giải quyết. Lãnh đạo Phòng Tín dụng (Phòng Kế hoạch kinh doanh) kiểm tra toàn bộ hồ sơ đề nghị bảo lãnh và báo cáo thẩm định của cán bộ tín dụng, ghi rõ ý kiến của mình trên báo cáo thẩm định về việc cấp hay không cấp bảo lãnh. Trường hợp cần thiết thì có thể trực tiếp thẩm định đề nghị bảo lãnh; Xem xét nội dung dự thảo thư bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng cấp bảo lãnh và hợp đồng bảo đảm cho bảo lãnh do cán bộ tín dụng cùng với khách hàng lập có phù hợp với quy chế bảo lãnh, quy định bảo đảm cho bảo lãnh hiện hành của Agribank Việt Nam không; Trình Giám đốc Chi nhánh phê duyệt (nếu đủ điều kiện) hoặc yêu cầu cán bộ tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; Đơn đốc hoặc cùng cán bộ tín dụng kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các nghĩa vụ được bảo lãnh của khách hàng, đề xuất các biện pháp xử lý. Do đã vượt quyền phán quyết, có ý làm trái quy định nêu trên nên việc ký bảo lãnh không có hồ sơ, không có hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng bảo đảm cho bảo lãnh, hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, biên bản kiểm tra đối với giao dịch bảo lãnh, không hạch toán và không thu phí. Tại Kết luận giám định số 3316/KL-NHNN ngày 13/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định việc Đỗ Đức Hưng ký chứng thư bảo lãnh không được Chủ tịch Hội đồng quản trị Agribank Việt Nam ủy quyền, không có hồ sơ bảo lãnh, không thu phí, không hạch toán là vi phạm quy định của pháp luật về bảo lãnh ngân hàng.

Các doanh nghiệp tin tưởng vào Bảo lãnh do Agribank chi nhánh Hồng Hà phát hành vì chữ ký của Đỗ Đức Hưng và con dấu của Ngân hàng là thật nên đã chuyển tiền, chuyển hàng cho Trịnh Khánh Hồng với tổng giá trị là 540.191.343.846 đồng. Cụ thể:

1. Bảo lãnh không số ngày 07/01/2011 cho Hợp đồng huy động vốn giữa Công ty Tân Hồng với Công ty cổ phần đầu tư XNK xây dựng và phát triển giáo dục Thăng Long.

Ngày 07/01/2011, Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng huy động vốn số 01/01-2011/HĐVV/TL-TH với Công ty cổ phần đầu tư XNK xây dựng và phát triển giáo dục Thăng Long, tổng trị giá hợp đồng 70 tỷ đồng; lãi suất cho

vay 13,5%/năm; thời hạn cho vay 75 ngày kể từ ngày Công ty Tân Hồng nhận được tiền vay. Để đảm bảo cho hợp đồng trên, ngày 07/01/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán không số, số tiền 70 tỷ đồng. Bảo lãnh có hiệu lực kể từ khi Công ty Tân Hồng nhận được tiền vay theo quy định hợp đồng cho đến khi Công ty Tân Hồng thanh toán đầy đủ tiền vay cho Công ty cổ phần đầu tư XNK xây dựng và phát triển giáo dục Thăng Long.

Thực hiện hợp đồng trên, Công ty cổ phần đầu tư XNK xây dựng và phát triển giáo dục Thăng Long đã chuyển cho Công ty Tân Hồng 70 tỷ đồng. Trịnh Khánh Hồng đã sử dụng trả nợ Công ty TNHH công nghiệp nhôm Thành Long 5.892.000.000 đồng; trả nợ Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp và xây dựng 15.432.083.333 đồng; cho Công ty cổ phần đầu tư VIETSAN vay 19.000.000.000 đồng; rút tiền mặt sử dụng cá nhân 30.600.000.000 đồng.

Trịnh Khánh Hồng đã thanh toán, trả hết nợ cho Công ty cổ phần đầu tư XNK xây dựng và phát triển giáo dục Thăng Long theo Hợp đồng này.

2. *Văn bản xác nhận bảo lãnh cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH Nam Giang.*

Công ty Tân Hồng mua thép xây dựng của Công ty TNHH Nam Giang theo Hợp đồng kinh tế số 25/HĐ/2011. Ngày 27/5/2011, Công ty TNHH Nam Giang có văn bản không số gửi Agribank về việc xác nhận phát hành bảo lãnh: ngày phát hành 26/5/2011, ngày hết hạn 25/8/2011, số tiền bảo lãnh 20 tỷ đồng, bảo lãnh cho Hợp đồng số 25/HĐ/2011 ngày 25/5/2011, Đỗ Đức Hưng ký xác nhận vào văn bản này. Ngày 30/5/2011 Công ty TNHH Nam Giang xuất Hóa đơn GTGT số 0000067 bán thép cho Công ty Tân Hồng, trị giá 19.992.819.000 đồng.

Trịnh Khánh Hồng đã thanh toán hết Công ty TNHH Nam Giang theo Hợp đồng này.

3. *Bảo lãnh số 2706/TDHH cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ.*

Ngày 27/6/2011, Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng kinh tế số 27/2011/HĐKT/THT-TH với Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư

thương mại và dịch vụ, nội dung: Công ty Tân Hồng bán cho Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ 9.800 tấn tinh bột giấy, tổng trị giá hợp đồng là 116.620.001.960đồng. Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ phải tạm ứng cho Công ty Tân Hồng số tiền 70 tỷ đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng kinh tế. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 27/6/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh số 2706/TDHH với số tiền 70 tỷ đồng, thời hạn 126 ngày, kể từ ngày 27/6/2011.

Từ ngày 28/6/2011 đến ngày 08/7/2011, Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ chuyển vào tài khoản của Công ty Tân Hồng 70,5 tỷ đồng.

Sau khi nhận tiền Trịnh Khánh Hồng sử dụng: trả nợ cho Chi nhánh công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội 44.940.000.000đồng; rút tiền mặt sử dụng 25.556.250.000đồng.

Trịnh Khánh Hồng đã thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ theo Hợp đồng này thông qua việc Agribank chi nhánh Hồng Hà thu nợ từ khoản vay của Công ty Giang Linh và Công ty Thái An.

4. Bảo lãnh số 1507/TDHH ngày 15/7/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH thương mại Tràng An.

Ngày 14/7/2011, Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng kinh tế số 14.07/2011/HĐKT/TA-TH với Công ty TNHH thương mại Tràng An với nội dung: Công ty Tân Hồng bán cho Công ty TNHH thương mại Tràng An 6.100 tấn tinh bột giấy, tổng trị giá hợp đồng 70.149.996.950đồng. Công ty TNHH thương mại Tràng An phải tạm ứng cho Công ty Tân Hồng số tiền 40 tỷ đồng ngay sau khi ký hợp đồng kinh tế. Để bảo đảm cho hợp đồng kinh tế trên, ngày 15/7/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 1507/TD-HH với số tiền 70 tỷ đồng, thời hạn 120 ngày, kể từ ngày 15/7/2011.

Từ ngày 26/7/2011 đến 29/7/2011, Công ty TNHH thương mại Tràng An đã chuyển vào tài khoản của Công ty Tân Hồng 40 tỷ đồng. Sau khi có tiền, Trịnh Khánh Hồng sử dụng: trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà

2.413.710.000đồng; rút tiền mặt sử dụng: 29.540.000.000đồng; chuyển đặt cọc cho Công ty công đoàn Giấy 1.600.000.000đồng; chuyển đầu tư sang Úc 4.600.000.000đồng; sử dụng cho hoạt động của công ty 1.846.290.000đồng.

Trịnh Khánh Hồng đã thanh toán cho Công ty TNHH thương mại Trảng An theo Hợp đồng này thông qua việc Agribank chi nhánh Hồng Hà thu nợ từ khoản vay của Công ty Giang Linh và Công ty Thái An.

5. Bảo lãnh số 2705/TDHH ngày 27/5/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí.

Công ty Tân Hồng mua thép xây dựng của Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí theo Hợp đồng kinh tế số 01/MTB- TNH/2011 ngày 27/5/2011. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 27/5/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 2705/TDHH với số tiền 55.483.168.000đồng, thời hạn 125 ngày, kể từ ngày 30/5/2011. Ngày 30/5/2011, Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí xuất Hóa đơn GTGT số 0000008 bán thép cho Công ty Tân Hồng, trị giá 55.503.975.467đồng. Số thép trên, Công ty Tân Hồng bán cho Công ty cổ phần Cascade Việt Nam theo Hợp đồng kinh tế số 01/TNH- CAS/2011 ngày 27/5/2011 và Hoá đơn GTGT số 0000009, ngày 30/5/2011, trị giá 56.024.201.200đồng. Theo thỏa thuận Công ty cổ phần Cascade Việt Nam đã trả cho Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí 55.503.975.467đồng bằng hình thức thanh toán bù trừ thay cho Công ty Tân Hồng. Như vậy, Trịnh Khánh Hồng đã thanh toán hết cho Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí theo hợp đồng này.

6. Bảo lãnh thanh toán số 128/KHKD-HH ngày 28/12/2010 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Chi nhánh Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng.

Ngày 28/12/2010, Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng kinh tế số 281210/THHEVN-TH với Chi nhánh Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng mua 05 chiếc máy xúc đào Hitachi, tổng trị giá hợp đồng 1.093.649,50USD. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 28/12/2010, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 128/KHKD-HH với số tiền 21.737.304.160đồng, hiệu lực bảo lãnh từ ngày 29/12/2010. Từ ngày 05/01/2011 đến ngày 08/01/2011, Công ty

Tân Hồng đã nhận đủ 05 máy xúc theo biên bản bàn giao và nghiệm thu thiết bị.

Ngày 29/6/2011, Công ty Tân Hồng và Chi nhánh Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng ký Phụ lục số 03 cho hợp đồng trên: gia hạn thời gian thanh toán lần 2 đến ngày 24/8/2011. Tổng giá trị thanh toán lần 2 sau khi cộng lãi suất trả chậm hai tháng là 22.027.134.882 đồng. Cùng ngày 29/6/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 296/TD/HH với số tiền 22.027.134.882 đồng, bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày 29/6/2011 đến hết ngày 31/8/2011.

Ngày 05/01/2012, Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng kinh tế số 0501/2012/HĐKT/TANHONG-CMS bán 01 máy xúc, ngày 06/01/2012, xuất Hóa đơn GTGT số 0000035, trị giá 3.000.000.000 đồng cho Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp và xây dựng. Ngày 06/01/2012, Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp và xây dựng thanh toán cho Công ty Tân Hồng 2.500.000.000 đồng. Công ty Tân Hồng rút tiền mặt sử dụng.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Chi nhánh Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng 22.027.134.882 đồng.

7. Bảo lãnh thanh toán không số ngày 25/5/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng kinh tế số 2405HD/VJC2011 ngày 24/5/2011 mua thép xây dựng của Công ty cổ phần thép Việt Nhật. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 25/5/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán không số với số tiền 30 tỷ đồng, thời hạn bảo lãnh 90 ngày kể từ ngày 25/5/2011. Ngày 27/5/2011 Công ty cổ phần thép Việt Nhật xuất Hóa đơn GTGT số 0000185, bán thép cho Công ty Tân Hồng, trị giá 29.944.002.000 đồng;

Ngày 24/8/2011, Công ty Tân Hồng và Công ty cổ phần thép Việt Nhật ký Phụ lục hợp đồng số 01: gia hạn thanh toán đến ngày 24/10/2011. Ngày 25/8/2011, Đỗ Đức Hưng ký gia hạn bảo lãnh không số: đồng ý gia hạn hiệu lực bảo lãnh thanh toán ngày 25/5/2011 cho đến hết ngày 25/10/2011.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Công ty cổ phần thép Việt Nhật 29.944.002.000đồng.

8. *Bảo lãnh không số ngày 25/5/2011 và Bảo lãnh không số ngày 02/6/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Chi nhánh Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội.*

Ngày 24/5/2011, Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng mua bán số 43/HĐMB về việc mua thép xây dựng với Chi nhánh Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội (hợp đồng nguyên tắc). Để bảo đảm cho hợp đồng trên, Đỗ Đức Hưng ký 02 bảo lãnh thanh toán gồm:

- Bảo lãnh thanh toán không số, ngày 25/5/2011 với số tiền 60 tỷ đồng, thời hạn 41 ngày, kể từ ngày 25/5/2011;

- Bảo lãnh thanh toán không số, ngày 02/6/2011 với số tiền 60 tỷ đồng, thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 02/6/2011.

Từ ngày 26/5/2011 đến ngày 31/5/2011 Công ty Tân Hồng mua thép của Chi nhánh Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội theo 06 hóa đơn GTGT, tổng trị giá 49.592.770.438 đồng. Từ ngày 3/6/2011 đến ngày 24/6/2011, Công ty Tân Hồng mua thép của Chi nhánh Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội theo 05 Hóa đơn GTGT, tổng trị giá 70.117.836.495 đồng.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng đã thanh toán được 102.494.422.755đồng; không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Chi nhánh Công ty Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội 17.216.184.178 đồng.

9. *Bảo lãnh thanh toán số 3006/TDHH ngày 30/6/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty cổ phần kim khí Hà Nội.*

Công ty Tân Hồng mua thép xây dựng của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 01/KKHN/TH/2011 ngày 28/6/2011. Để bảo đảm cho hợp đồng kinh tế trên, ngày 30/6/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 3006/TDHH với số tiền 21.252.000.000đồng, thời hạn 100 ngày, kể từ ngày 30/6/2011. Ngày 01/7/2011, Công ty cổ phần kim khí Hà Nội xuất.

Hóa đơn GTGT số 0004260 bán thép cho Công ty Tân Hồng trị giá 21.177.618.000 đồng.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội 21.177.168.000 đồng.

10. Bảo lãnh số 2607/TD-HH ngày 26/7/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Đức Hùng với Công ty TNHH Nam Giang.

Công ty Đức Hùng mua thép xây dựng của Công ty TNHH Nam Giang theo Hợp đồng kinh tế số 16/NG- DH ngày 25/7/2011. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 26/7/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 2607/TD-HH với số tiền 10 tỷ đồng, thời hạn là 95 ngày, kể từ ngày 26/7/2011. Ngày 27/7/2011, Công ty TNHH Nam Giang xuất Hóa đơn GTGT số 0000129 bán thép cho Công ty Đức Hùng, trị giá 10.100.970.000 đồng. Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Công ty TNHH Nam Giang 10.000.000.000 đồng.

11. Bảo lãnh số 1208/TD-HH ngày 12/8/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH thương mại Tràng An.

Ngày 10/8/2011, Công ty Tân Hồng ký Hợp đồng kinh tế số 10.08/2011/HĐKT/TA-TH với Công ty TNHH thương mại Tràng An, nội dung: Công ty Tân Hồng bán cho Công ty TNHH thương mại Tràng An 6.500 tấn tinh bột giấy, tổng trị giá hợp đồng 65.650.000.000 đồng; Công ty TNHH thương mại Tràng An phải tạm ứng cho Công ty Tân Hồng số tiền 40 tỷ đồng ngay sau khi ký hợp đồng kinh tế. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 12/8/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 1208/TD-HH với số tiền 40 tỷ đồng, thời hạn là 125 ngày, kể từ ngày 12/8/2011.

Từ ngày 12/8/2011 đến 18/8/2011, Công ty TNHH thương mại Tràng An đã chuyển vào tài khoản của Công ty Tân Hồng 40 tỷ đồng. Sau khi có tiền, Trịnh Khánh Hồng sử dụng: trả nợ Chi nhánh Công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội 21.800.000.000 đồng; rút tiền mặt sử dụng 18.200.000.000 đồng.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Công ty TNHH thương mại Trảng An 40.000.000.000đồng.

12. Bảo lãnh số 0606/TDHH cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Đức Hùng và Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí.

Công ty Đức Hùng mua phôi thép của Công ty máy, thiết bị dầu khí theo Hợp đồng kinh tế số 07/MTB-ĐH/2011 ngày 07/6/2011. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 07/6/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 0606/TDHH với số tiền 70.455.000.000đồng, thời hạn 125 ngày, kể từ ngày 7/6/2011. Ngày 07/6/2011, Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí xuất Hóa đơn GTGT số 0000010 bán phôi thép cho Công ty Đức Hùng, trị giá 70.203.375.000đồng. Số phôi thép trên, Công ty Đức Hùng bán cho Công ty Tân Hồng theo Hợp đồng kinh tế số 04ĐH-TH/2011, ngày 07/6/2011 và Hoá đơn GTGT số 0041701, ngày 07/6/2011, trị giá 64.541.070.000đồng; Công ty Tân Hồng bán cho Công ty Cascade theo Hợp đồng kinh tế số 02/TNH-CAS/2011, ngày 03/6/2011 và Hoá đơn GTGT số 0000008, ngày 07/6/2011, trị giá 64.725.210.000đồng. Theo thỏa thuận Công ty Cascade đã trả cho Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí 25.496.024.533đồng bằng hình thức thanh toán bù trừ thay cho Công ty Đức Hùng.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí 44.707.350.467đồng.

13. Bảo lãnh số 302/TDHH ngày 12/10/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng và Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí.

Công ty Tân Hồng mua phôi thép của Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí theo Hợp đồng kinh tế số 03/MTB-TNH/2011 ngày 4/10/2011. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 12/10/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 302/TDHH với số tiền 48.646.620.000đồng, thời hạn là 120 ngày, kể từ ngày 12/10/2011. Ngày 17/10/2011 Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí xuất Hóa đơn GTGT số 0000260 bán phôi thép cho Công ty Tân Hồng, trị giá 48.617.432.028đồng. Số hàng trên, Công ty Tân Hồng bán cho Công ty Cascade theo Hợp đồng kinh tế số 04/TNH-CAS/2011, ngày 01/10/2011 và Hoá đơn GTGT số 0000028, ngày 18/10/2011, trị giá 46.977.296.700đồng. Công ty

Cascade đã trả Công ty Tân Hồng 44 tỷ đồng bằng hình thức thanh toán bù trừ với Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí 48.617.432.028 đồng.

14. Bảo lãnh số 316/TDHH ngày 13/10/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng và Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí.

Công ty Tân Hồng mua phôi thép của Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí theo Hợp đồng kinh tế số 04/MTB-TNH/2011 ngày 12/10/2011. Để bảo đảm cho hợp đồng trên, ngày 13/10/2011, Đỗ Đức Hưng ký bảo lãnh thanh toán số 316/TDHH với số tiền 48.284.499.000 đồng, thời hạn là 120 ngày, kể từ ngày 13/10/2011. Ngày 17/10/2011, Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí xuất Hóa đơn GTGT số 0000262 bán phôi thép cho Công ty Tân Hồng, trị giá 48.239.433.468 đồng/ Số phôi thép này, Công ty Tân Hồng đã bán cho Công ty Cascade theo Hợp đồng kinh tế số 05/TNH-CAS/2011, ngày 04/10/2011 và Hoá đơn GTGT số 0000029, ngày 19/10/2011, trị giá 46.833.746.667 đồng, Ngày 27/10/2011, Công ty Cascade đã trả cho Công ty Tân Hồng số tiền 37.000.000.000 đồng bằng hình thức thanh toán bù trừ với Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí. Công ty Cascade còn nợ 9.833.746.667 đồng.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của Công ty cổ phần máy, thiết bị dầu khí 48.239.433.468 đồng.

Toàn bộ số thép Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng mua của Công ty cổ phần thép Việt Nhật, Chi nhánh Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội, Công ty cổ phần kim khí Hà Nội, Công ty TNHH Nam Giang được Trịnh Khánh Hồng bán cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại Đất Mới. Công ty cổ phần đầu tư thương mại Đất Mới chuyển vào tài khoản để thanh toán cho Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng 201.022.133.846 đồng. Sau khi có tiền, Trịnh Khánh Hồng sử dụng: trả Công ty cổ phần đầu tư XNK xây dựng và phát triển giáo dục Thăng Long 68 tỷ đồng; trả Agribank chi nhánh Hồng Hà 44.535.000.000 đồng; trả chi nhánh Công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội 18.230.000.000 đồng; rút tiền mặt sử dụng 70.252.670.000 đồng.

Toàn bộ số thép Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng mua của Công ty máy, thiết bị dầu khí, Trịnh Khánh Hồng bán cho Công ty Cascade, Công ty Cascade đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng 115.669.210.000đồng. Sau khi có tiền, Trịnh Khánh Hồng sử dụng: trả Agribank chi nhánh Hồng Hà 60,8 tỷ đồng; trả Công ty cổ phần đầu tư XNK xây dựng và phát triển giáo dục Thăng Long 2 tỷ đồng; chuyển Công ty Đức Hùng 8 tỷ đồng; chuyển Công ty cổ phần Thái Thịnh 4,2 tỷ đồng; chuyển Công ty TNHH Phát Tài Lộc 11.701.940.480 đồng; chuyển trả nợ cũ 9.860.000.000 đồng; rút tiền mặt sử dụng 19.100.000.000 đồng.

Nếu theo đúng hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng với các doanh nghiệp và Bảo lãnh của Agribank chi nhánh Hồng Hà thì đến thời hạn Trịnh Khánh Hồng phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho các doanh nghiệp, nhưng vì đã có ý định dùng tiền có được trả nợ ngân hàng và sử dụng cho mục đích khác nên Hồng đã sử dụng 107.857.844.000đồng để trả cho khoản vay đã đến hạn tại Agribank chi nhánh Hồng Hà; sử dụng 80.242.023.813đồng để trả nợ cho các đơn vị kinh tế mà Hồng có nợ từ trước; dùng tiền của đơn vị nhận bảo lãnh sau trả cho đơn vị nhận bảo lãnh trước 154.970.000.000đồng; rút tiền mặt sử dụng 195.761.250.000đồng và sử dụng cho hoạt động của Công ty Tân Hồng 1.360.226.033đồng.

Đến nay, Trịnh Khánh Hồng không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của các doanh nghiệp 281.929.155.023 đồng, gồm: Chi nhánh Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng 22.027.134.882 đồng; Công ty cổ phần thép Việt Nhật 29.944.002.000 đồng; Chi nhánh Công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội 17.216.184.178 đồng; Công ty cổ phần kim khí Hà Nội 21.177.168.000 đồng; Công ty TNHH Nam Giang 10.000.000.000đồng; Công ty TNHH thương mại Tràng An 40 tỷ đồng; Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí dầu khí 141.564.215.963đồng.

Trong số tiền Trịnh Khánh Hồng chiếm đoạt nêu trên, có Hợp đồng kinh tế Đỗ Hữu Bách, giám đốc Công ty Đức Hùng ký với Công ty TNHH Nam Giang còn dư nợ 10 tỷ đồng và Hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí còn dư nợ 44.707.350.467đồng. Đỗ Hữu Bách chỉ thừa

nhận chữ ký tại Hợp đồng với Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định, kết quả giám định xác định Hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH Nam Giang, chữ ký Đỗ Hữu Bách là dấu hình chữ ký do vậy không đủ căn cứ kết luận, Bách giúp sức cho Hồng ở Hợp đồng này; đối với Hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí là chữ ký của Đỗ Hữu Bách, từ hợp đồng kinh tế do Bách ký, Hưng đã ký bảo lãnh thanh toán, tạo điều kiện cho Hồng chiếm đoạt 44.707.350.467 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận.

Trịnh Khánh Hồng khai: Do khó khăn về tài chính, không có khả năng trả nợ đến hạn nên Đỗ Đức Hưng và Hồng thống nhất tìm nguồn tiền để trả nợ, sau đó Hưng sẽ trình Agribank Việt Nam cấp tín dụng, Hưng cho Hồng vay tiền để trả nợ các đơn vị nhận bảo lãnh, số tiền nhận được Hồng dùng trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà, trả lại các đơn vị nhận bảo lãnh và sử dụng cá nhân, đến nay còn nợ các doanh nghiệp 281.929.155.023 đồng không còn khả năng thanh toán. Đối với Hợp đồng do Công ty Đức Hùng ký, Hồng có điện thoại cho Bách nói rõ mục đích ký để giúp Hồng đi huy động.

Đỗ Hữu Bách khai: Hồng điện thoại cho Bách bảo ký các tài liệu có liên quan đến Công ty Đức Hùng do Bách làm giám đốc, trong đó có Hợp đồng kinh tế mua bán phôi thép với Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí. Vì là nhân viên của Hồng, nên thực hiện theo chỉ đạo của Hồng. Khi ký Bách không xem nội dung, không biết mục đích của Hồng, không lường được hậu quả xảy ra.

Đỗ Đức Hưng khai: Hưng biết thời điểm ký bảo lãnh tình hình tài chính của Trịnh Khánh Hồng rất khó khăn, Hồng không có khả năng trả nợ. Trước khi ký, Hưng biết đã sử dụng hết quyền phán quyết cấp tín dụng cho Công ty Tân Hồng, Công ty Đức Hùng nhưng vì muốn giúp Hồng có tiền trả nợ, Agbank chi nhánh Hồng Hà không phát sinh nợ xấu, Hưng không bị kỷ luật, nên Hưng vẫn ký. Việc ký Bảo lãnh thanh toán không có hồ sơ, không hạch toán và không thu phí, ký bảo lãnh sai quy định việc này thì Hiền, Dần đều biết.

Đỗ Thị Minh Hiền khai: Hiền được Đỗ Đức Hưng chỉ đạo do Công ty Tân Hồng khó khăn về tài chính, không có tiền trả nợ đến hạn, để Công ty Tân Hồng không phát sinh nợ xấu, phải giúp đỡ Công ty Tân Hồng bằng cách ký các bảo lãnh để Công ty Tân Hồng có tiền trả cho ngân hàng. Hiền xác nhận ký nháy trên 10 bảo lãnh thanh toán, tổng trị giá bảo lãnh 426.765.168.000 đồng, hiện còn dư nợ 118.337.804.178 đồng. Khi ký Hiền biết Hưng đã sử dụng hết quyền phán quyết tín dụng, hồ sơ bảo lãnh không đúng quy định, nhưng do Hưng chỉ đạo nên Hiền phải ký.

Trương Đăng Dân khai: Việc ký nháy trên các bảo lãnh là theo sự chỉ đạo của Hưng, Dân không làm việc trực tiếp với các đơn vị đề nghị cấp bảo lãnh và đơn vị được bảo lãnh. Dân xác nhận ký nháy trên 02 bảo lãnh thanh toán, tổng trị giá bảo lãnh 92.482.134.882 đồng, hiện còn dư nợ 66.734.485.349 đồng. Khi ký Dân biết Hưng đã sử dụng hết quyền phán quyết, hồ sơ bảo lãnh không đúng quy định.

Trịnh Khánh Hồng với mục đích có tiền để trả nợ Agribank chi nhánh Hồng Hà và sử dụng cá nhân, nên đã thống nhất với Đỗ Đức Hưng, dùng bảo lãnh của Ngân hàng để tạo niềm tin với các doanh nghiệp, thông qua các hợp đồng kinh tế Hồng đã nhận hàng, tiền nhưng thực hiện không đúng cam kết, đến thời hạn không có khả năng thanh toán, chiếm đoạt tiền của các doanh nghiệp 281.929.155.023 đồng. Hồng làm được việc này có sự giúp sức của Đỗ Đức Hưng, Đỗ Thị Minh Hiền, Trương Đăng Dân, Đỗ Hữu Bách. Hành vi của Trịnh Khánh Hồng và các đồng phạm phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự, trong đó Trịnh Khánh Hồng với vai trò chủ mưu, các bị can khác có vai trò đồng phạm giúp sức, trong đó Đỗ Đức Hưng có trách nhiệm đối với số tiền Hồng chiếm đoạt là 281.929.155.023 đồng; Đỗ Thị Minh Hiền có trách nhiệm số tiền 118.337.804.178 đồng; Trương Đăng Dân có trách nhiệm số tiền 66.734.485.349 đồng; Đỗ Hữu Bách có trách nhiệm số tiền là 44.707,350.467 đồng.

IV. Hành vi của Trịnh Khánh Hồng và đồng phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đỗ Đức Hưng và đồng phạm “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” trong việc cho Công ty TNHH

Giang Linh vay 70 tỷ đồng và Công ty TNHH Thái An vay 60 tỷ đồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà.

Xuất phát từ việc Công ty Tân Hồng nhận 150,5 tỷ đồng là tiền đặt cọc mua bột giấy của Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ và Công ty TNHH thương mại Tràng An thông qua 03 Hợp đồng kinh tế và được Đỗ Đức Hưng ký 03 chứng thư bảo lãnh. Đến hạn, Nguyễn Thị Kim Thanh (được 02 Công ty trên ủy quyền) yêu cầu Trịnh Khánh Hồng trả lại khoản tiền đã nhận, nếu không thì Agribank chi nhánh Hồng Hà phải có trách nhiệm trả theo nội dung bảo lãnh đã ký. Trịnh Khánh Hồng không có tiền để trả, Công ty Tân Hồng cũng đã hết hạn mức để vay vốn ngân hàng, do liên quan đến trách nhiệm bảo lãnh nên Đỗ Đức Hưng bàn với Trịnh Khánh Hồng cần có Công ty mới để lập hồ sơ vay vốn lấy tiền trả Nguyễn Thị Kim Thanh. Với mục đích trên, Trịnh Khánh Hồng đã mua lại Công ty Giang Linh sau đó cử nhân viên là Trần Hữu Tuân làm giám đốc. Công ty Giang Linh không hoạt động sản xuất kinh doanh gì, nhưng theo chỉ đạo của Hồng, ngày 15/9/2011 Trần Hữu Tuân đã ký không phương án sản xuất kinh doanh sắt thép (BL 9635-9640); Báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tài chính (9662-9675); Giấy đề nghị vay 70 tỷ đồng tại Agribank chi nhánh Hồng Hà (BL 9633). Do Đỗ Đức Hưng đã chỉ đạo cho Công ty Giang Linh vay vốn để trả nợ, nên các cán bộ ngân hàng Ngô Thị Thu Hường, Trương Đăng Dân không thẩm định dự án, ngày 15/9/2011, Hường, Dân, Hưng ký vào phiếu xếp loại khách hàng trong đó xếp Công ty Giang Linh là khách hàng loại A và ký vào báo cáo thẩm định đồng ý cho Công ty Giang Linh vay 70 tỷ đồng (BL 9641-9656). Ngày 16/9/2011, Đỗ Đức Hưng và Trần Hữu Tuân ký Hợp đồng tín dụng số 1260 LAV 201100279 có nội dung Agribank chi nhánh Hồng Hà cho Công ty Giang Linh vay 70 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh sắt thép (BL 9657-9661). Do Trịnh Khánh Hồng không có tài sản nên đã nhờ và được bà Nguyễn Thị Kim Thanh đồng ý cho mượn tài sản là quyền sử dụng đất tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình làm tài sản thế chấp. Theo chỉ đạo của Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân và Ngô Thị Thu Hường tự định giá tài sản mà không căn cứ vào quy định, mục đích định giá chỉ là để phù hợp với khoản vay. Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất số 24/HĐ/CC ngày 07/9/2011, tài sản thế chấp được

định giá là 71.139.000.000 đồng (BL 9789-9794) và Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số 0510/HĐTC ngày 05/10/2011, tài sản thế chấp được định giá là 29.808.000.000 đồng (BL 9752-9758). Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 3316/KL-NHNN ngày 13/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 24/HĐ/CC ngày 07/9/2011 chỉ có giá trị 3.071.349.000 đồng, tài sản thế chấp được nâng khống lên gấp 23,2 lần so với giá trị thực và giá trị tài sản tại Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số 0510/HĐTC ngày 05/10/2011 chỉ có giá trị 586.845.000 đồng, tài sản thế chấp được nâng khống lên gấp 50,8 lần so với giá trị thực (BL 380-429).

Tương tự như vậy, Trịnh Khánh Hồng mua lại Công ty Thái An, sau đó cử nhân viên Nguyễn Thị Mỹ làm giám đốc, với mục đích để lập hồ sơ vay vốn, trả nợ cho khoản nợ của Trịnh Khánh Hồng. Mặc dù không hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng theo sự chỉ đạo của Trịnh Khánh Hồng, Nguyễn Thị Mỹ đã ký tên trên hồ sơ không để được vay vốn như báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh, giấy đề nghị vay vốn (BL 9898-9913; 9932-9939). Ngô Thị Thu Hương, Trương Đăng Dân, Đỗ Đức Hưng không tiến hành thẩm định nhưng ký phiếu xếp loại khách hàng, ký báo cáo thẩm định đồng ý cho Công ty Giang Linh vay 60 tỷ đồng (BL9914-9931).

Ngày 16/9/2011, Đỗ Đức Hưng và Nguyễn Thị Mỹ ký Hợp đồng tín dụng số 1260 LAV 201100278, số tiền cho vay 60 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng. Tài sản thế chấp được Hương, Dân tự tính toán, nâng giá trị để đảm bảo với khoản vay, ngày 12/9/2011 Đỗ Đức Hưng và Nguyễn Thị Mỹ ký Hợp đồng thế chấp số 1364 xác định giá trị tài sản thế chấp là 85.250.000.000 đồng (BL 9982-9988). Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 3316/KL-NHNN ngày 13/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định tài sản thế chấp tại Hợp đồng này chỉ có giá trị 4.816.540.000 đồng, giá trị tài sản thế chấp đã được nâng lên 17,6 lần so với giá trị thực (BL 380-429).

Để Agribank chi nhánh Hồng Hà có căn cứ giải ngân đồng thời thu nợ, Trần Hữu Tuấn ký Hợp đồng kinh tế mua bán sắt thép với các Công ty: Công ty TNHH Hùng Lâm; Công ty TNHH Cao Trường Sơn; Chi nhánh Công ty

TNHH Phát Tài Lộc; Công ty TNHH thương mại Trảng An. Nguyễn Thị Mỹ ký hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH thương mại Trảng An và với Công ty TNHH dịch vụ Chu Hùng Cường. Từ ngày 16/9/2011 đến ngày 22/9/2011, Agribank chi nhánh Hồng Hà đã giải ngân cho Công ty Giang Linh vay 70 tỷ đồng, Công ty Thái An vay 60 tỷ đồng. Hợp đồng kinh tế với Công ty Giang Linh, Công ty Thái An nêu trên. Thực tế giữa các Công ty này không có hoạt động mua bán hàng hóa nên sau đó giữa các bên đã ký biên bản hủy hợp đồng và lập các chứng từ thể hiện các Công ty trên trả lại tiền cho Công ty Giang Linh và Công ty Thái An. Đỗ Đức Hưng chỉ đạo Trương Đăng Dân và Ngô Thị Thu Hường khi giải ngân cho Công ty Giang Linh và Công ty Thái An thì tiến hành thu nợ luôn; còn đối với nhóm các Công ty có quan hệ Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ và Công ty TNHH thương mại Trảng An hiện cũng đang có nợ tại Agribank chi nhánh Hồng Hà, số tiền thu nợ được trừ vào số tiền 150,5 tỷ đồng mà Trịnh Khánh Hồng đã nhận của Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ và Công ty TNHH thương mại Trảng An có bảo lãnh của Agribank chi nhánh Hồng Hà. Thực hiện chỉ đạo của Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân và Ngô Thị Thu Hường yêu cầu Trần Hữu Tuân, Nguyễn Thị Mỹ và Giám đốc các Công ty có liên quan ký sẵn ủy nhiệm chi, séc rút tiền, giấy rút tiền, giấy nhận nợ... đưa cho Dân, Hường để Dân, Hường chủ động trong việc giải ngân, thu nợ. Cụ thể sau khi tiền vay được giải ngân vào tài khoản của các Công ty ký Hợp mua bán với Công ty Giang Linh và Công ty Thái An, thì Dân và Hường làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản của các Công ty gia đình Nguyễn Thị Kim Thanh đó là Công ty TNHH Phát Tài Lộc, Công ty TNHH Châu Á, Công ty cổ phần Thái Thịnh, Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ mở tại Agribank chi nhánh Hồng Hà để Agribank chi nhánh Hồng Hà thu nợ của các Công ty này.

Với hình thức như trên, trong tổng số tiền 130 tỷ đồng Agribank chi nhánh Hồng Hà cho Trịnh Khánh Hồng vay thông qua hợp đồng tín dụng giữa Công ty Giang Linh và Công ty Thái An thì Trịnh Khánh Hồng đã trả nợ cho nhóm Công ty gia đình Nguyễn Thị Kim Thanh 111,550 tỷ đồng, số tiền này được trừ vào nghĩa vụ trả nợ theo Bảo lãnh số 2706/TDHH ngày 27/6/2011 cho Hợp đồng

kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ và Bảo lãnh số 1507/TDHH ngày 15/7/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH thương mại Tràng An; còn nghĩa vụ trả nợ theo Bảo lãnh số 1208/TD-HH ngày 12/8/2011 cho Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH thương mại Tràng An số tiền 40 tỷ đồng, đến nay Trịnh Khánh Hồng không có khả năng thanh toán được xác định là chiếm đoạt của Công ty TNHH thương mại Tràng An. Số tiền còn lại từ khoản vay 130 tỷ đồng là 18,450 tỷ đồng, Trịnh Khánh Hồng trả nợ cho Công ty Long Thành 14.669.700.000 đồng và Công ty Hoàng Phát 3.780.300.000 đồng thông qua việc Agribank thu nợ của hai Công ty này.

Như vậy, việc Agribank chi nhánh Hồng Hà cho Công ty Giang Linh và Công ty Thái An vay vốn được thực hiện trên cơ sở hồ sơ vay vốn được lập không ngay từ đầu, toàn bộ quá trình thẩm định, định giá tài sản, giải ngân, kiểm tra, giám sát sau giải ngân đều thực hiện không đúng quy định của Nhà nước. Công ty Giang Linh và Công ty Thái An không thực hiện nghĩa vụ trả lãi, trả gốc theo quy định, ngày 16/9/2012 Agribank chi nhánh Hồng Hà đã chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn. Trịnh Khánh Hồng thừa nhận không còn khả năng thanh toán khoản tiền vay này.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

Trịnh Khánh Hồng khai: Do không có tiền để trả nợ cho Nguyễn Thị Kim Thanh nên đã mua Công ty Giang Linh và giao cho Trần Hữu Tuân đứng tên làm giám đốc và Công ty Thái An giao cho Nguyễn Thị Mỹ đứng tên làm giám đốc. Hai Công ty này thực tế không hoạt động kinh doanh gì mà chỉ nhằm mục đích có tên công ty để lập hồ sơ không hồ sơ vay vốn để Hồng trả nợ. Hồng là người chỉ đạo Tuân, Mỹ lập hồ sơ không; Hồng xin chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền 130 tỷ đồng mà Công ty Giang Linh và Công ty Thái An đứng tên vay.

Đỗ Đức Hưng khai: Do Hưng ký bảo lãnh thanh toán cho việc Trịnh Khánh Hồng nhận tiền của Công ty TNHH một thành viên THT đầu tư thương mại và dịch vụ và Công ty TNHH thương mại Tràng An nên Hưng chỉ đạo Trương Đăng Dần cùng với Ngô Thị Thu Hường hoàn thiện hồ sơ vay vốn

cho hai công ty của Trịnh Khánh Hồng, đồng thời chỉ đạo khi giải ngân cho 02 Công ty này thì đồng thời Agribank chi nhánh Hồng Hà tiến hành thu nợ đối với các công ty của gia đình Nguyễn Thị Kim Thanh. Hưng biết hồ sơ được lập không, mục đích cho vay để trả nợ.

Trương Đăng Dân, Ngô Thị Thu Hương khai: Thực hiện sự chỉ đạo của Hưng nên Dân, Hương đã hoàn thiện các thủ tục cho Công ty Giang Linh và Công ty Thái An vay vốn. Do biết trước hồ sơ lập không, cho vay để đảo nợ nên Dân và Hương không tiến hành thẩm định tài sản theo quy định mà làm theo chỉ đạo của Hưng, nâng giá trị tài sản lên để phù hợp với khoản tiền vay. Theo chỉ đạo của Hưng, Dân, Hiền khi giải ngân đồng thời thực hiện việc thu nợ.

Trần Hữu Tuân và Nguyễn Thị Mỹ khai: Thực hiện chỉ đạo của Trịnh Khánh Hồng, nên Tuân và Mỹ đã ký bộ hồ sơ tín dụng không để vay tiền Agribank chi nhánh Hồng Hà.

Trịnh Khánh Hồng với mục đích có nhiều tiền để trả nợ đã có hành vi gian dối ngay từ đầu trong việc chỉ đạo Mỹ và Tuân lập hồ sơ không để vay vốn tại Agribank chi nhánh Hồng Hà. Từ các bộ hồ sơ được lập không, Agribank chi nhánh Hồng Hà đã giải ngân cho Công ty Giang Linh và Công ty Thái An 130 tỷ đồng, Hồng đã sử dụng tiền vay để trả nợ, đến nay không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt tiền của Agribank Việt Nam, đủ căn cứ xác định phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự, mà trong đó Hồng có vai trò chủ mưu, còn Mỹ và Tuân là đồng phạm giúp sức cho Hồng.

Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân đã có hành vi vi phạm Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 21 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, đủ căn cứ xác định các bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” theo khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố Trịnh Khánh Hồng phạm 02 tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Nguyễn Văn Mạnh phạm 01 tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Đỗ Thị Minh Hiền, Trần Hữu Tuân và Nguyễn Thị Mỹ phạm 01 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đỗ Đức Hưng, Trương Đăng Dân phạm 02 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Vi phạm qui định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Các bị cáo Nguyễn Văn Thúy, Đinh Minh Đạo phạm 01 tội “Vi phạm qui định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trịnh Khánh Hồng 20 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc Trịnh Khánh Hồng phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2012.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn Mạnh 11 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2014.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Đỗ Thị Minh Hiền 05 năm tù về tội tội “Lừa, đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/5/2012 đến ngày 28/11/2014.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trần Hữu Tuân 07 năm tù về tội tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/8/2012 đến ngày 28/11/2014.

Xử phạt Nguyễn Thị Mỹ 07 năm tù về tội tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/8/2012 đến ngày 28/11/2014.

Tòa án cấp sơ,thẩm cũng đã xử phạt Đỗ Đức Hưng 23 năm tù là hình phạt chung cho cả 02 tội; bị cáo Trương Đăng Dân 12 năm tù là hình phạt chung cho cả 02 tội; Đinh Văn Hải 07 năm tù và Đỗ Hữu Bách 06 năm tù về tội Lừa đảo; bị cáo Thúy 06 năm tù và bị cáo Đạo 03 năm tù đều về 01 tội “Vi phạm qui định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 127, 129, 144, 146, 410 Bộ luật dân sự năm 2005,

Buộc bị cáo Trịnh Khánh Hồng phải bồi thường cho:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 581.701.338.000đồng.

- Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng 22.027.134.882đồng;

- Công ty cổ phần thép Việt Nhật 29.944.002.000đồng;

- Công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội 17.216.184.178đồng;

- Công ty cổ phần kim khí Hà Nội 21.177.168.000đồng;

- Công ty TNHH Nam Giang 10.000.000.000đồng;

- Công ty TNHH thương mại Tràng An 40 tỷ đồng;

- Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí 141.564.215.963đồng.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Đã tiếp tục kê biên 12 (mười hai) thửa đất để đảm bảo công tác thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho Trịnh Khánh Hồng đối với các khoản tiền mà Trịnh Khánh Hồng đã cho cá nhân và công ty khác vay tiền khi xuất trình được các tài liệu chứng cứ, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật cho các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 24/4/2017, bị cáo Nguyễn Văn Mạnh và bị cáo Đỗ Thị Minh Hiền kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/4/2017, các bị cáo Trần Hữu Tuân, Nguyễn Thị Mỹ kháng cáo kêu oan.

Ngày 28/4/2017, bị cáo Trịnh Khánh Hồng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét lại tội danh Lừa đảo vì bị cáo cho rằng bị cáo không có hành vi gian dối để lừa đảo.

Ngày 02/5/2017, bị cáo Trương Đăng Dân kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Nhưng đến ngày 15/5/2017, bị cáo Dân đã rút toàn bộ kháng cáo.

Ngày 26 và 27/4/2017, các nguyên đơn dân sự gồm: Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Công ty cổ phần kim khí Hà Nội, Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí, Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng, Công ty cổ phần thép Việt Nhật và Công ty TNHH thương mại Tràng An, đều có đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về phần trách nhiệm bồi thường dân sự và đề nghị đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Mạnh, Đỗ Thị Minh Hiền thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết về hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo Mạnh và bị cáo Hiền đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, vì sở dĩ các bị cáo phạm tội là vì các bị cáo là cán bộ cấp dưới của Giám đốc Đỗ Đức Hưng, các bị cáo chưa được hưởng lợi gì, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo thì lại có nhiều khó khăn, bản thân các bị cáo, cũng như gia đình của các bị cáo đều có cống hiến với cách mạng. Nhưng các bị cáo vẫn bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt với mức hình phạt quá nặng, nay các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm mở lượng khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ mức hình phạt tù cho các bị cáo, giúp cho các bị cáo yên tâm cải tạo để sớm được trở về hòa đồng với xã hội và gia đình.

Đối với các bị cáo Trần Hữu Tuân, Nguyễn Thị Mỹ thì cho rằng các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án oan, vì các bị cáo không được bàn bạc, trao đổi gì với ông Trịnh Khánh Hồng, các bị cáo chỉ biết làm theo sự chỉ đạo điều hành của giám đốc Hồng, trên thực tế các bị cáo cũng chưa được hưởng

lợi gì. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại về tội danh cho các bị cáo theo đúng qui định của pháp luật và nếu các bị cáo có tội thì xử lý các bị cáo có lý có tình.

Bị cáo Trịnh Khánh Hồng về cơ bản bị cáo không có ý kiến gì khác so với tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo làm sai thì bị cáo chịu cả về phần bồi thường. bị cáo cũng không có ý kiến gì khác mà đồng ý như quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo đề nghị xem xét lại tội danh lừa đảo, vì bị cáo không có hành vi gian dối ngay từ đầu và bị cáo cũng không phải là người chủ mưu, cầm đầu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan về hành vi lừa đảo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo và xem xét một cách toàn diện vụ án để khoan hồng cho bị cáo, vì mức án tù chung thân là quá nặng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã kết luận: Căn cứ hồ sơ vụ án, qua phần thẩm vấn công khai và tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Bị cáo Trịnh Khánh Hồng đã có hành vi gian dối ngay từ đầu, trong việc móc nối với Đỗ Đức Hưng để ký thư bảo lãnh thanh toán, mặc dù bị cáo biết tại thời điểm đó Hưng đã hết quyền phán quyết về tín dụng, cũng như chỉ đạo cấp dưới là Tuyên và Mỹ lập khống các hồ sơ để làm cho các nguyên đơn dân sự tin tưởng, giao tiền, giao hàng cũng như cho vay tiền, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo Hồng, Tuấn và Mỹ đều về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, không oan.

Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248, Điều 249 (d,k,l) Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Khánh Hồng, Nguyễn Văn Mạnh, Đỗ Thị Minh Hiền, Trần Hữu Tuấn, Nguyễn Thị Mỹ để giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của các nguyên đơn dân sự, bao gồm: Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội, Công ty CP máy thiết bị dầu khí, Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng, Công ty CP gang thép Thái Nguyên, Công ty CP thép Việt Nhật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Agribank Việt Nam và ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Kim Thanh giao lại thửa đất số 71 cho Agribank Việt Nam. Tiếp tục kê biên thửa đất số 71 từ bản đồ số 22 có diện tích 1.863 m² tại thôn Liên Bu, xã Quang Minh, Ba Vì, Hà Nội để đảm bảo công tác thi hành án và buộc bị cáo Trịnh Khánh Hồng phải bồi thường toàn bộ số tiền lãi phát sinh đối với tổng số tiền 581.701.338.000 đồng mà Hồng đã chiếm đoạt của Agribank.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Khánh Hồng: Luật sư Đặng Thị Vân Thịnh cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn dân sự đều cho rằng các hợp đồng ký kết với bị cáo Hồng đều theo đúng quy định của pháp luật, bị cáo Hồng không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của các nguyên đơn dân sự; còn bị cáo Hồng thì khai việc vay tiền của Hồng chỉ là để đảo nợ ngân hàng, Hồng không có ý định chiếm đoạt và trên thực tế thì bị cáo không chiếm đoạt. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh lừa đảo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo. Về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì luật sư không có ý kiến gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo Hồng một phần hình phạt tù, giúp cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội và gia đình.

Bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Minh Hiền: Luật sư Đặng Thị Vân Thịnh cho rằng: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và đã sử dụng làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng. Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo Đỗ Thị Minh Hiền một số tình tiết giảm nhẹ khác nữa, như: Vai trò phạm tội của bị cáo trong vụ án này là mờ nhạt so với hành vi phạm tội của các bị cáo khác, bản thân bị cáo là người bị lệ thuộc vào giám đốc, bị cáo lại có hoàn cảnh gia đình éo le, đáng được quan tâm như: con gái bị bệnh trầm cảm, có mẹ già 86 tuổi nên rất cần bị cáo chăm sóc gia đình. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm mở lượng khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ cho bị cáo

Hiền một phần hình phạt tù, giúp cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa đồng với cộng đồng xã hội và chăm sóc mẹ già, con cái đang bị bệnh trầm cảm.

Luật sư Nguyễn Đình Khỏe, người bào chữa cho các bị cáo Trần Hữu Tuân và Nguyễn Thị Mỹ: cho rằng mặc dù, bị cáo Tuân và bị cáo Mỹ có đại diện cho Công ty do các bị cáo làm giám đốc lập hồ sơ và ký hợp đồng để vay tiền của Agribank chi nhánh Hồng Hà, nhưng các bị cáo không gian dối và không có ý thức chiếm đoạt và trên thực tế các bị cáo cũng chưa được hưởng lợi gì; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên bố: Hai bị cáo Trần Hữu Tuân và Nguyễn Thị Mỹ không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hoặc nếu không tuyên vô tội thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với 02 bị cáo này.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mạnh: Luật sư Vũ Công Dũng, cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Mạnh đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Trịnh Khánh Hồng là đúng, nhưng không phải cả 04 hành vi, mà chỉ có 02 hành vi thôi. Đồng thời xét vai trò của bị cáo Mạnh trong vụ án này là mờ nhạt, thứ yếu không đáng kể vì bị cáo bị lệ thuộc. Bị cáo lại có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo có thời gian tham gia quân đội tại nước bạn Lào, được tặng thưởng Huân-Huy chương và bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, giúp cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa đồng với xã hội và gia đình. Đồng thời cũng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Mạnh được tại ngoại về nhà, chữa bệnh thì bị cáo mới có sức khỏe để chấp hành hình phạt tù.

Các nguyên đơn dân sự đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét một cách khách quan, toàn diện nội dung đơn kháng cáo của các nguyên đơn dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét một cách khách quan-toàn diện các tài liệu, chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, bào chữa của luật sư cho các bị cáo và quan điểm của luật sư

bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn dân sự, cũng như quan điểm của đại diện cho nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan trong vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH thương mại Tràng An tự nguyện rút đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Việc rút kháng cáo của đại diện nguyên đơn dân sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp nội dung được ủy quyền, phù hợp với qui định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, nên không phải xem xét, giải quyết phần kháng cáo của Công ty TNHH thương mại Tràng An nữa. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Kim Thanh giao lại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22 tại thôn Liên Bu, xã Quang Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội có diện tích 1863 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD763677 do Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì, Hà Nội cấp ngày 17-3-2011 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam để quản lý, sử dụng và định đoạt.

Đối với nội dung kháng cáo kêu oan về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của các bị cáo Trịnh Khánh Hồng, Nguyễn Thị Mỹ và Trần Hữu Tuân, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện do khoản nợ vay của Công ty Tân Hồng đến hạn phải trả là rất lớn, nhưng Công ty Tân Hồng cũng như Trịnh Khánh Hồng không có khả năng thanh toán. Do bị áp lực đòi nợ nên Trịnh Khánh Hồng đã thành lập các công ty mới hoặc mua, nhượng lại để lấy danh nghĩa những công ty mới này rồi lập khống hồ sơ và nhờ Đỗ Đức Hưng ký chứng thư bảo lãnh thanh toán, vay tiếp của ngân hàng và được các doanh nghiệp khác tin tưởng mà ký kết các hợp đồng mua bán, cụ thể: Sau khi đã thành lập thêm công ty con thì Hồng đã chỉ đạo Tuân và Mỹ tạo dựng bộ hồ sơ khống, không đúng sự thật, kể cả việc lập báo cáo tài chính và báo cáo về kết quả kinh doanh cũng không đúng thực tế để cho các doanh nghiệp tin tưởng đó là sự thật để ký hợp đồng kinh tế. Như vậy đã có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Mặc dù Trịnh

Khánh Hồng biết công ty của Hồng còn đang nợ rất nhiều tiền mà chưa có trả và Hồng cũng biết Đỗ Đức Hưng đã hết quyền phán quyết về tín dụng, nhưng do cần tiền nên Hồng vẫn nhờ Hưng ký chứng thư bảo lãnh đó là hành vi gian dối. Do bị cáo Trịnh Khánh Hồng có hành vi gian dối ngay từ đầu và nhằm để chiếm đoạt tài sản, nên đã bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị kết án oan về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức hình phạt tù đối với bị cáo cũng không phải là nặng. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Hữu Tuân và Nguyễn Thị Mỹ, thì tuy các bị cáo không thừa nhận có hành vi lừa đảo, bởi các bị cáo cho rằng không hề được bàn bạc và không được hưởng thụ, nhưng thông qua những hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như: Công ty của các bị cáo vừa mới được thành lập, không có hoạt động gì, Công ty lại không có người nào ngoài bị cáo, Công ty cũng không có phương án sản xuất kinh doanh (BL 29804-29805; 29806-29812; 29792-29796; 29800-29802), nhưng các bị cáo Tuân và Mỹ vẫn lập hồ sơ khống để thể hiện Công ty của các bị cáo có sản xuất kinh doanh; bị cáo Tuân còn lập khống hồ sơ về hợp đồng mua bán sắt thép với Công ty TNHH Hùng Lâm, với Công ty TNHH Cao Tường Sơn và với Chi nhánh của Công ty TNHH Phát Tài Lộc; bị cáo Mỹ thì tạo lập ra bộ hồ sơ khống, không đúng thực tế về hợp đồng kinh tế giữa công ty của bị cáo với Công ty TNHH Dịch vụ Chu Hồng Cường và với Công ty TNHH thương mại Tràng An. Sau khi vay được tiền thì chuyển hết cho Hồng và Hồng đã sử dụng để trả nợ và để sử dụng cho cá nhân. Như vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định các bị cáo Tuân và Mỹ đã đồng phạm giúp sức cho Trịnh Khánh Hồng, vì nếu không có sự giúp sức của Tuân và Mỹ thì Hồng không thể chiếm đoạt được 130 tỷ đồng. Việc tạo lập nên các bộ hồ sơ khống, không đúng với thực tế của bị cáo Tuân và Mỹ thì không thể nói là các bị cáo không biết việc làm gian dối của mình, trong khi các bị cáo đã có một thời gian dài làm việc tại Công ty Tân Hồng. Quá trình điều tra các bị cáo khai có được Hồng cho biết là do Công ty Tân

Hồng đang nợ xấu nhiều, nên phải làm không như vậy thì mới vay được (BL 10207, 10209, 10211, 10152, 10159...). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo Trần Hữu Tuân và Nguyễn Thị Mỹ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm giúp sức cho Trịnh Khánh Hồng là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án oan, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

Điều đáng nói thêm, trong vụ án này cùng tham gia với các bị cáo thì còn có nhiều bị cáo khác có hành vi tương tự như Tuân và Mỹ cũng bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị xử phạt với mức hình phạt rất nghiêm khắc, nhưng không kháng cáo kêu oan, mà đã tự nguyện đi chấp hành hình phạt tù.

Đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Văn Mạnh và Đỗ Thị Minh Hiền, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Do tính chất-mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo Mạnh và Hiền gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, vì các bị cáo đã có hành vi đồng phạm giúp sức và đã cùng nhau gây ra hậu quả đặc biệt lớn, đến nay vẫn chưa có tiền trả lại cho các nguyên đơn dân sự, hành vi của các bị cáo không những đã gây hậu quả đặc biệt lớn về tài sản cho các nguyên đơn dân sự, mà còn gây mất trật tự trị an. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất-mức độ nguy hiểm của vụ án một cách khách quan, toàn diện và cũng đã vận dụng các chính sách khoan hồng giảm nhẹ theo hướng có lợi cho các bị cáo, cũng như đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo trong vụ án. Từ đó, xử phạt các bị cáo Mạnh và Hiền với mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy mức hình phạt tù của bị cáo Mạnh và bị cáo Hiền là phù hợp, nếu không nói là còn nhẹ; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để thỏa mãn nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Mạnh và Hiền được nữa, mà cần thiết phải giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm, có như vậy thì mới tương xứng với tính chất - mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây

ra và mới có đủ thời gian để vừa trừng trị, vừa giáo dục đối với các bị cáo và mới đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với nội dung kháng cáo của các nguyên đơn dân sự về việc đề nghị đưa Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách bị đơn dân sự và phải có trách nhiệm bồi thường:

HĐXX cấp phúc thẩm thấy: Sở dĩ Đỗ Đức Hưng đã ký 15 bảo lãnh thanh toán cho Trịnh Khánh Hồng đối với các hợp đồng kinh tế mà Hồng ký với các doanh nghiệp là do Hưng muốn Hồng huy động được vốn để có tiền trả nợ cho khoản vay tại ngân hàng của Hưng, để Hưng không bị xử lý kỷ luật liên quan đến khoản nợ xấu. Đồng thời, Trịnh Khánh Hồng và Đỗ Đức Hưng đều biết rõ Công ty của Hồng đang nợ chồng chất chưa có tiền để trả và tại thời điểm Hồng ký hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp thì Hưng đã hết quyền phán quyết về tín dụng, nhưng Hồng vẫn tiếp tục nhờ và Hưng vẫn cứ ký chứng thư bảo lãnh thì Hồng mới huy động được tiền và hàng hóa từ các doanh nghiệp (BL 5708, 5709, 5711, 5713, 5714...).

Mặt khác, tại Kết luận giám định số 3316/KL-NHNN ngày 13-5-2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã kết luận: Việc Đỗ Đức Hưng ký chứng thư bảo lãnh khi đã hết quyền phán quyết, chưa được Chủ tịch Hội đồng quản trị Agribank Việt Nam ủy quyền là hành vi vượt quá phạm vi đại diện; Hơn nữa, việc ký bảo lãnh thanh toán trong khi không có hồ sơ bảo lãnh, không hạch toán và không tiến hành thu phí bảo lãnh, không có tài sản đảm bảo là vi phạm quy định về bảo lãnh do Ngân hàng Nhà nước qui định. Như vậy, hành vi ký bảo lãnh của Đỗ Đức Hưng là hành vi gian dối và gian dối ngay từ đầu và nhờ có hành vi của Hưng thì Trịnh Khánh Hồng mới ký được hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp. Hơn nữa, việc ký hợp đồng chủ yếu là để huy động vốn chứ không có hàng hóa; do đó, các hợp đồng kinh tế do Trịnh Khánh Hồng (đại diện Công ty Tân Hồng) ký với các doanh nghiệp, gồm: Công ty CP Kim Khí Hà Nội, Công ty CP máy thiết bị dầu khí, Công ty CP Thép Việt Nhật, Công ty Cp gang thép Thái Nguyên, Công ty TNHH thương mại Trảng An thì các hợp đồng là vô hiệu và do là vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên đã tham gia ký chứng thư bảo lãnh.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc Agribank phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với các giao dịch mà Trịnh Khánh Hồng đại diện cho Công ty Tân Hồng đã ký kết với các doanh nghiệp như đã nêu trên (trừ trường hợp đối với Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn dân sự.

Đối với kháng cáo của Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Ngày 28-12-2010, Công ty Tân Hồng do Trịnh Khánh Hồng đại diện đã ký hợp đồng kinh tế số 281210 với Chi nhánh Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng để mua 05 (năm) máy xúc, đào hiệu Hitachi để phục vụ dự án trồng rừng. Việc giữa Công ty Tân Hồng ký hợp đồng mua máy xúc của Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng là phù hợp với qui định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Dự án trồng rừng tại Nghệ An của Công ty Tân Hồng. Trên thực tế Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng đã bàn giao máy xúc, đào cho Công ty Tân Hồng và Công ty Tân Hồng đã trả được một phần tiền cho Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng là 1.119.970.390 đồng (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn ba trăm chín mươi đồng) ngay sau khi ký hợp đồng. Như vậy, việc ký hợp đồng kinh tế giữa 02 Công ty là phù hợp với pháp luật và phù hợp với Dự án trồng rừng mà Hồng đã được cấp phép và có hàng hóa thật, khác với các hợp đồng khác là không có hàng hóa (bản án sơ thẩm cũng đã xác định trong các Hợp đồng thì Hợp đồng này là có hàng hóa thật). Đồng thời, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bị cáo Hồng không có ý thức lừa đảo để chiếm đoạt tiền, hàng của Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng.

Mặt khác, Hợp đồng kinh tế số 281210 ngày 28-12-2010 được ký kết giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng (pháp nhân ký với pháp nhân), chứ không phải ký với tư cách cá nhân Trịnh Khánh Hồng với Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng; do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị cáo Trịnh Khánh Hồng là người phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng là không chính xác, mà cần phải buộc Công ty Tân Hồng phải bồi thường cho Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng. Vì vậy, cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi thường

liên quan đến Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng, để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam:

- Về yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22 tại thôn Liên Bu, xã Quang Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội thì tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim Thanh đã tự nguyện giao lại thửa đất số 71 nói trên cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Đây là sự tự nguyện và phù hợp với nội dung được ủy quyền, phù hợp với qui định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần ghi nhận và tiếp tục kê biên thửa đất số 71 như đã nêu trên để đảm bảo công tác thi hành án.

- Về yêu cầu tính tiền lãi đối với các khoản vay của Công ty Tân Hồng đã bị Trịnh Khánh Hồng chiếm đoạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo Hồng phải có trách nhiệm bồi thường 581.701.338.000 đồng (năm trăm tám mươi một tỷ, bảy trăm lẻ một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) và tiền lãi theo quy định. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần buộc bị cáo phải trả tiền lãi cho nguyên đơn dân sự đối với khoản tiền vay, kể từ thời điểm vay cho đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 12-4-2017) để đảm bảo quyền lợi của Nhà nước. Căn cứ vào các tài liệu - chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo báo cáo của nguyên đơn dân sự thì tổng số tiền lãi bị cáo phải trả là 465.390.481.142 đồng (bốn trăm sáu mươi lăm tỷ, ba trăm chín mươi triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, một trăm bốn hai đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo kháng cáo kêu oan, xin giảm nhẹ nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Các nguyên đơn dân sự (trừ Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng và Agribank Việt Nam) kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên mỗi nguyên đơn dân sự phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355, 356, 357 và 358 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan và xin giảm nhẹ của các bị cáo Trịnh Khánh Hồng, Trần Hữu Tuân, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Văn Mạnh và Đỗ Thị Minh Hiền, để giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt tù đối với các bị cáo.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của các nguyên đơn dân sự (trừ Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) để giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng: Hủy 01 phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo Trịnh Khánh Hồng đối với Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại để giải quyết phần bồi thường dân sự giữa Công ty Tân Hồng với Công ty TNHH thiết bị nặng Tất Hồng theo đúng qui định của pháp luật.

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam để buộc bị cáo Trịnh Khánh Hồng phải chịu trách nhiệm về tiền lãi đối với khoản tiền vay của Agribank chi nhánh Hồng Hà. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Kim Thanh giao lại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22 tại thôn Liên Bu, xã Quang Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội cho Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà để quản lý sử dụng. Tiếp tục kê biên thửa đất này để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 7 và Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trịnh Khánh Hồng 20 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; tù Chung thân về tội "Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội để buộc bị cáo Trịnh Khánh Hồng phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, giam 28/8/2012.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 7, Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Mạnh 11 (mười một) năm tù về tội ‘Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, giam 24/10/2014.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm p,s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 7, Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, ‘xử phạt bị cáo Đỗ Thi Minh Hiền 05 (năm) năm tù về tội tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, giam trước đó từ ngày 16/5/2012 đến ngày 28/11/2014).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 7, Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Tuân 07 (bảy) năm tù về tội tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, giam trước đó từ ngày 28/8/2012 đến ngày 28/11/2014).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ 07 (bảy) năm tù về tội tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, giam trước đó từ ngày 28/8/2012 đến ngày 28/11/2014).



Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 127, 129, khoản 3 Điều 144, Điều 146, 410 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Trịnh Khánh Hồng phải bồi thường cho:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 581.701.338.000 đồng và tiền lãi 465.390.481.142 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 1.047.091.819.142 đồng.

- Công ty cổ phần thép Việt Nhật 29.944.002.000 đồng;

- Công ty gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội 17.216.184.178 đồng;

- Công ty cổ phần kim khí Hà Nội 21.177.168.000 đồng;

- Công ty TNHH Nam Giang 10.000.000.000 đồng;

- Công ty TNHH thương mại Tràng An 40 tỷ đồng;

- Công ty cổ phần máy thiết bị dầu khí 141.564.215.963 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; các nguyên đơn dân sự kháng cáo không được chấp nhận về phần nội dung thì mỗi nguyên đơn dân sự phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/3/2018).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- Công an tp Hà Nội;
- Trại tạm giam T16 – Bộ Công an;
- Cục thi hành án dân sự tp Hà Nội;
- Các bị cáo, nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Nguyễn Xuân Hùng



